BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

(Công văn số 3042/UBCK-GSĐC ngày 24/05/2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp số 3702308640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 16/10/2014, cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 24/04/2023)

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ

Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, Khu Phố Khánh Lộc, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274.7301718 **Fax:** 02743.639738

Website: www.halo.net.vn

Vốn điều lệ đã góp tại ngày (31/12/2023): 80.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT – CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 136 – 138 Lê Thị Hồng Gấm, P.Nguyễn Thái Bình, Q. 1, TP. HCM

Điện thoại: 1900 6446 **Fax:** (028) 6291 0607

Website: www.fpts.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Lê Thị Hồng Thắm **Chức vụ:** Kế toán trưởng

Điện thoại: 0906.693.883 **Fax:** 0274.3639.738

MỤC LỤC

I. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT 1
II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG 2
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty 2
1.1 Thông tin chung về Công ty. 2
1.2 Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch 4
1.3 Quá trình hình thành và phát triển 4
1.4 Quá trình góp vốn, tăng vốn từ thời điểm thành lập. 6
1.5 Ngày Công ty đáp ứng điều kiện công ty đại chúng 14
1.6 Thông tin về cơ cấu cổ đông tại ngày công ty đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng bao gồm 14
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty 15
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty 15
4. Cơ cấu cổ đông 17
4.1 Cơ cấu cổ đông tại ngày 22/03/2024 17
4.2 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của công ty tại ngày 22/03/2024 18
4.3 Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ 18
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty đại chúng, những công ty mà Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty đại chúng 18
6. Hoạt động kinh doanh 19
6.1. Hoạt động kinh doanh của Công ty 19
6.2. Cơ cấu sản lượng qua 02 năm gần nhất 22
6.3. Cơ cấu doanh thu thuần qua 02 năm gần nhất 22
6.4. Cơ cấu lợi nhuận gộp qua 02 năm gần nhất 23
6.5. Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh 24
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 02 năm gần nhất 25
7.1. Một số chỉ tiêu kết quả hoạt động kinh doanh 02 năm gần nhất 25
7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty 27
8. Vị thế của công ty trong ngành 27
8.1 Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành 27
8.2 Triển vọng phát triển của ngành 28
9. Chính sách đối với người lao động 28
9.1 Số lượng người lao động trong công ty 28
9.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp 29
10. Chính sách cổ tức 29
11. Tình hình tài chính trong năm gần nhất và kỳ gần nhất 30
12. Tài sản 36

FPT Securities

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức **37**
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng **38**
15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh **38**
16. Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty **39**

III. QUẢN TRỊ CÔNG TY 39

1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Hội đồng quản trị 39
2. Ban kiểm soát 49
3. Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác 52
4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty 55
5. Danh sách người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ 56
6. Thống kê các giao dịch giữa công ty với các bên liên quan theo quy định 66

IV. PHỤ LỤC 69

1. Phụ lục I: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp số 3702308640 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 16/10/2014, cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 24/04/2023 69
2. Phụ lục II: Điều lệ CTCP Công nghệ Ha Lô 69
3. Phụ lục III: Báo cáo tài chính năm 2023 được kiểm toán 69

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

FPT Securities

I. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

Trong Bản công bố thông tin này, những từ, cụm từ dưới đây có nghĩa như sau:

Bản công bố thông tin về Công ty đại chúng	:	Bản công bố thông tin về Công ty đại chúng bao gồm thông tin tóm tắt về mô hình tổ chức bộ máy, hoạt động kinh doanh, bộ máy quản lý, cơ cấu cổ đông, tài sản, tình hình tài chính và các thông tin khác.
Điều lệ	:	Điều lệ của Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
Cổ đông	:	Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu cổ phần đã phát hành của Công ty
Cổ phần	:	Vốn điều lệ được chia thành các phần bằng nhau.
Cổ phiếu	:	Là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô.
Cổ tức	:	Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối sau khi thực hiện các nghĩa vụ về tài chính.

Những thuật ngữ khác *(nếu có)* mà không được liệt kê ở trên sẽ được hiểu theo quy định trong Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH11 ngày 17/6/2020; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản công bố thông tin này có nghĩa như sau:

Tổ chức ĐKGD/ Công ty đại chúng/ Công ty/ HLO	:	Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô
CTCP	:	Công ty Cổ phần
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
MTV	:	Một thành viên
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
BKS	:	Ban kiểm soát
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
Sở KH&ĐT	:	Sở Kế hoạch và Đầu tư
BCTC	:	Báo cáo tài chính
DTT	:	Doanh thu thuần
UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
ĐKDN	:	Đăng ký doanh nghiệp
TP.HCM	:	Thành phố Hồ Chí Minh
Đồng	:	Việt Nam Đồng

FPT Securities

II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty

1.1 Thông tin chung về Công ty.

Tên Tiếng Việt	: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ
Tên Tiếng Anh	: HA LO TECHNOLOGIES JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	: HA LO TECHNOLOGIES JSC
Loại hình công ty	: Công ty Cổ phần
Trụ sở chính	: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, Khu Phố Khánh Lộc, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Điện thoại	: 0274.7301718
Số fax	: 02743.639738
Email	: admin@halo.net.vn
Website	: www.halo.net.vn
Mã số thuế	: 3702308640
Biểu trưng (logo)	:

Vốn điều lệ đăng ký	: 80.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp	: 80.000.000.000 đồng
Người đại diện theo pháp luật	: Ông Kỷ Minh Du – Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận ĐKDN số:	: 3702308640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 16/10/2014, đăng ký thay đổi lần 12 ngày 24/04/2023
Ngành, nghề kinh doanh	:

Các ngành nghề kinh doanh Công ty đã đăng ký như sau:

Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
4669 (Chính)	**Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu** **Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn):** - **Hóa chất xử lý bề mặt kim loại;** - **Nguyên liệu nhựa công nghiệp;** - **Sản xuất hóa chất khác sử dụng trong công nghiệp;** - **Bán buôn hóa chất cơ bản và hợp chất với gốc Cyania (trừ thuốc bảo vệ thực vật và hóa chất bảng 1 theo Công ước quốc tế);** - **Máy móc thiết bị xi mạ, phụ tùng máy móc thiết bị, phụ kiện ngành công nghiệp;** - **Chế phẩm chống ăn mòn và các chế phẩm hoạt động bề mặt.** **(Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài không được quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối như: thuốc lá và xì gà, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải).**
7490	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn và quản lý kỹ thuật xi mạ, chuyển giao công nghệ kỹ thuật xi mạ
2829	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất, chế tạo máy móc, thiết bị ngành công nghệ, hệ thống lọc nước, hệ thống khí thải, hệ thống xử lý nước thải
2599	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm móc treo bằng sắt, thép, đồng, inox và kim loại
2220	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm móc treo bằng nhựa
4719	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán lẻ (không thành lập cơ sở bán lẻ): - Hóa chất xử lý bề mặt kim loại; - Nguyên liệu nhựa công nghiệp; - Sản xuất hóa chất khác sử dụng trong công nghiệp;

FPT Securities

Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
	- Bán buôn hóa chất cơ bản và hợp chất với gốc Cyania (trừ thuốc bảo vệ thực vật và hóa chất bảng 1 theo Công ước quốc tế); - Máy móc thiết bị xi mạ, phụ tùng máy móc thiết bị, phụ kiện ngành công nghiệp; - Chế phẩm chống ăn mòn và các chế phẩm hoạt động bề mặt. (Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài không được quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối như: thuốc lá và xì gà, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải).
3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị (không bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, máy bay hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác)

1.2 Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

Tên chứng khoán : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô

Loại chứng khoán : Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu

Mã chứng khoán : HLO

Tổng số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 8.000.000 cổ phiếu

Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký giao dịch: 0 cổ phiếu

Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài: Hiện tại, Điều lệ CTCP Công nghệ Ha Lô không quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phần của Công ty. Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài sẽ tuân theo quy định tại Điều 139 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

Theo danh sách cổ đông tại ngày 22/03/2024 của Công ty, tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty là 39,35% vốn điều lệ. Căn cứ Công văn số 6627/UBCK-PTTT ngày 05/10/2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại CTCP Công nghệ Ha Lô tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty hiện nay là 100% vốn điều lệ.

1.3 Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô được thành lập vào năm 2014. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3702308640 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu vào ngày 16/10/2014. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng

FPT Securities

nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24/04/2023. Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực bán buôn hóa chất xử lý bề mặt kim loại và sản xuất, thi công hệ thống xi mạ, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống lọc không khí…

Những cột mốc phát triển quan trọng của Công ty:

Thời gian	Những cột mốc phát triển
Năm 2014	- Ngày 16/10/2014, CTCP Công nghệ Ha Lô được thành lập với vốn điều lệ ban đầu là 10 (mười) tỷ đồng. - Trụ sở chính Công ty tại bản đồ 38, Đường ĐT 747B, Tổ 6, Ấp Khánh Vân, Phường Khánh Bình, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương. - Giai đoạn thành lập, Công ty có 4 cổ đông sáng lập được điều hành bởi Bà Tôn Nữ Bảo Vy. - Hoạt động kinh doanh lúc này của Công ty chủ yếu tập trung mảng mua bán các loại hóa chất xử lý bề mặt kim loại.
Năm 2015	- Ngày 27/07/2015, Công ty thay đổi trụ sở chính sang Thửa đất số 575 và Thửa đất số 87 (nay là Thửa đất số 1616), Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, Khu phố Khánh Lộc, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
Năm 2016	- Công ty xây dựng nhà xưởng với diện tích 8.112 m^2, quy mô hiện đại (cầu trục 10 tấn có chiều rộng 52 m, chiều dài 156 m, dàn nâng cao 7,5 m), công suất trung bình 2.500 hệ thống xi mạ/năm, tối đa hóa tự động và bắt đầu mở rộng hoạt động kinh doanh sang lĩnh vực mua bán, sản xuất, thi công, lắp đặt các thiết bị công nghiệp phục vụ cho ngành xi mạ như: dây chuyền xi mạ, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống lọc không khí,…
Năm 2017	- Ngày 01/01/2017, nhà xưởng của Công ty được hoàn thành và chính thức đưa vào hoạt động với công suất trung bình 2.500 hệ thống xi mạ và thiết bị đi kèm mỗi năm. - Giữa năm 2017, Công ty xuất bán lô hệ thống xi mạ đầu tiên.
Năm 2018	- Sau một thời gian nhà xưởng hoạt động, Công ty có nhiều hợp đồng giá trị lớn mang lại doanh thu, lợi nhuận cao lần lượt đạt 116,27 tỷ đồng và 3,18 tỷ đồng tăng lần lượt 1,84 lần và 10,97 lần so với năm 2017. - Công ty hoàn thành xây dựng các hạng mục phụ của công trình nhà xưởng như: nhà ăn, hàng rào, hệ thống thoát nước…
Năm 2022	- Công ty đầu tư thêm cầu trục đôi 3 tấn (rộng 15,5 m, dài 79,2 m), cầu trục đôi 5 tấn (17 m) và robot hàn giàn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh tự động hóa để tăng gia năng suất, sản lượng.

FPT Securities

Thời gian	Những cột mốc phát triển
Năm 2023	- Căn cứ Công văn số 3042/UBCK-GSĐC ngày 24/05/2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty chính thức được chấp thuận trở thành công ty đại chúng. Từ đó, khẳng định và cam kết tính minh bạch của Công ty. - Ngày 11/07/2023, Công ty được Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 09/2023/GCNCP-VSD với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký lần đầu là 8 *(tám)* triệu cổ phiếu và được cấp mã chứng khoán là HLO.
Năm 2024	- Chiến lược phát triển: giữ vững và phát triển thị trường nội địa cũng như xuất khẩu. - Tính đến hiện nay, vốn điều lệ của Công ty là 80 *(tám mươi)* tỷ đồng. Công ty tập trung vào phát triển bền vững, bảo toàn vốn và không ngừng phấn đấu hoàn thành tốt các mục tiêu hoạt động hàng năm.

1.4 Quá trình góp vốn, tăng vốn từ thời điểm thành lập.

Công ty được thành lập 16/10/2014 với mức vốn điều lệ đăng ký là 10.000.000.000 đồng *(bằng chữ: Mười tỷ đồng)*, tương ứng với 1.000.000 cổ phần.

Sau 10 năm hoạt động và 04 lần tăng vốn với các hình thức khác nhau, vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 80.000.000.000 đồng *(bằng chữ: Tám mươi tỷ đồng)*, tương ứng 8.000.000 cổ phiếu *(bằng chữ: Tám triệu cổ phiếu)*.

Tóm tắt quá trình tăng vốn:

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thực hiện các đợt tăng vốn điều lệ như sau:

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

Lần	Thời gian	Vốn điều lệ trước tăng vốn *(tỷ đồng)*	Vốn điều lệ tăng thêm *(tỷ đồng)*	Vốn điều lệ sau khi tăng vốn *(tỷ đồng)*	Cơ sở pháp lý	Hình thức tăng vốn
-	Tháng 10/2014	-	-	10	Giấy chứng nhận ĐKDN số 3702308640 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 16/10/2014	Các cổ đông sáng lập góp vốn thành lập Công ty
1	Tháng 07/2016	10	16	26	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2016/ND-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2016 Giấy chứng nhận ĐKDN số 3702308640 do KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 14/07/2016	Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
2	Tháng 10/2016	26	14	40	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/2016/ND-ĐHĐCĐ ngày 19/09/2016 Giấy chứng nhận ĐKDN số 3702308640 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 03/10/2016	Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
3	Tháng 01/2018	40	20	60	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/01/2018 Giấy chứng nhận ĐKDN số 3702308640 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 15/01/2018	Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
4	Tháng 01/2019	60	20	80	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2018/QĐ ngày 30/10/2028 Giấy chứng nhận ĐKDN số 3702308640 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 16/01/2019	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu và các nhà đầu tư chiến lược

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

FPT Securities

Chi tiết các đợt tăng vốn:

➢ **Đợt góp vốn thành lập Công ty 10 tỷ đồng**

- Tên cổ phiếu phát hành : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô
- Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phát hành : 1.000.000 cổ phiếu
- Ngày phát hành : 14/10/2014
- Ngày hoàn tất đợt phát hành : 01/01/2015
- Tổng số tiền mặt thu được từ góp vốn : 10.000.000.000 đồng
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng : Không có
- Phương thức góp vốn : Bằng tiền mặt
- Mục đích sử dụng vốn : Để đặt cọc tiền mua đất xây dựng nhà xưởng theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 23/12/2015 và chi trả lương cho cán bộ công nhân viên.
- Số lượng cổ đông góp vốn : 4 cổ đông
- Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu:

Mục đích sử dụng vốn	Số tiền theo phương án sử dụng vốn *(đồng)*	Số tiền đã sử dụng *(đồng)*	Ghi chú
Đặt cọc tiền mua đất xây dựng nhà xưởng theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 23/12/2015	9.400.000.000	9.400.000.000	Đã sử dụng hết
Chi trả lương	600.000.000	600.000.000	
Tổng cộng	**10.000.000.000**	**10.000.000.000**	

➢ **Đợt 1: Tăng vốn tháng 07/2016 từ 10 tỷ đồng lên 26 tỷ đồng**

- Tên cổ phiếu phát hành : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô
- Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông

- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phát hành : 1.600.000 cổ phiếu
- Ngày phát hành : 30/06/2016
- Ngày hoàn tất đợt phát hành : 08/07/2016
- Tổng số tiền thu được : 16.000.000.000 đồng

+ *Số tiền thu được đến ngày 08/07/2016 : 13.685.559.440 đồng*

+ *Số tiền bổ sung ngày 20/10/2016 : 2.314.440.560 đồng*

- Thời gian hạn chế chuyển nhượng : Không có
- Phương thức góp vốn : Bằng tiền mặt và chuyển đổi khoản vay nợ
- Hình thức phát hành : Phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
- Mục đích sử dụng vốn : Thanh toán khoản vay, thay toán tiền xây dựng nhà xưởng và bổ sung vốn lưu động của Công ty.
- Số lượng cổ đông trước khi phát hành : 6 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi phát hành : 6 cổ đông
- Số lượng cổ đông góp vốn : 6 cổ đông
- Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu:

Mục đích sử dụng vốn	**Số tiền theo phương án sử dụng vốn *(đồng)***	**Số tiền đã sử dụng *(đồng)***	**Ghi chú**
Thanh toán tiền đợt 2, 3, 4 cho nhà cung cấp CTCP Xây Dựng Việt Nhất	7.500.000.000	7.500.000.000	Đã sử dụng hết
Chuyển khoản vay *(1)* thành vốn góp	5.145.474.420	5.145.474.420	
Bổ sung vốn lưu động	3.354.525.580	3.354.525.580	
Tổng cộng	**16.000.000.000**	**16.000.000.000**	

(1): Các khoản vay này được Công ty vay với mục đích mua đất xây dựng nhà xưởng, lắp đặt hệ thống điện, nộp tiền thuê đất 50 năm, thanh toán tiền máy bay và các khoản chi lưu động khác (148.397.120 đồng).

➢ **Đợt 2: Tăng vốn tháng 10/2016 từ 26 tỷ đồng lên 40 tỷ đồng**

- Tên cổ phiếu phát hành : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô
- Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phát hành : 1.400.000 cổ phiếu
- Ngày phát hành : 21/09/2016
- Ngày hoàn tất đợt phát hành : 26/09/2016
- Tổng số tiền thu được : 14.000.000.000 đồng
+ *Số tiền thu được đến ngày 26/09/2016* : *13.000.000.000 đồng*
+ *Số tiền bổ sung ngày 10/10/2016* : *1.000.000.000 đồng*
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng : Không có
- Phương thức góp vốn : Bằng tiền và chuyển đổi khoản nợ vay
- Hình thức phát hành : Phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
- Mục đích sử dụng vốn : Thanh toán khoản vay, đầu tư máy móc thiết bị, tài sản cố định và bổ sung vốn lưu động của Công ty.
- Số lượng cổ đông trước khi phát hành : 6 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi phát hành : 6 cổ đông
- Số lượng cổ đông góp vốn : 6 cổ đông
- Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu:

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

Mục đích sử dụng vốn	Số tiền theo phương án sử dụng vốn *(đồng)*	Số tiền đã sử dụng *(đồng)*	Ghi chú
Thanh toán tiền đợt 2 cho nhà cung cấp Công ty TNHH MTV Việt Gia Hùng	315.000.000	315.000.000	Đã sử dụng hết
Thanh toán tiền 50% còn lại cho nhà cung cấp Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Triều Thắng	550.000.000	550.000.000	
Thanh toán tiền đợt 2 cho nhà cung cấp CTCP Thiết Bị Vật Tư KHKT và Du Lịch Trung Sơn T.S.S.E	622.980.000	622.980.000	
Thanh toán tiền cho nhà cung cấp Công ty TNHH MTV Chí Diệu Lương	1.224.709.240	1.224.709.240	
Chuyển khoản vay *(2)* thành vốn góp	10.700.000.000	10.700.000.000	
Bổ sung vốn lưu động	587.310.760	587.310.760	
Tổng cộng	**14.000.000.000**	**14.000.000.000**	

(2): Các khoản vay này được Công ty vay với mục đích nộp tiền thuê đất 50 năm, thi công phòng cháy chữa cháy, mua hệ thống quang phổ phát xạ Plasma, mua phương tiện đi lại, lắp đặt máy móc thiết bị, chi lương cho cán bộ công nhân viên, thanh toán tiền cho nhà cung cấp và các khoản chi lưu động khác.

➢ **Đợt 3: Tăng vốn tháng 01/2018 từ 40 tỷ đồng lên 60 tỷ đồng**

- Tên cổ phiếu phát hành : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô
- Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phát hành : 2.000.000 cổ phiếu
- Ngày phát hành : 04/01/2018
- Ngày hoàn tất đợt phát hành : 11/01/2018

- Tổng số tiền thu được : 20.000.000.000 đồng
+ *Số tiền thu được đến ngày 11/01/2018* : *5.314.440.000 đồng*
+ *Số tiền bổ sung ngày 07/02/2018* : *14.685.559.440 đồng*
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng : Không có
- Phương thức góp vốn : Bằng tiền
- Hình thức phát hành : Phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
- Mục đích sử dụng vốn : Đầu tư máy móc thiết bị, tài sản cố định và bổ sung vốn lưu động của Công ty.
- Số lượng cổ đông trước khi phát hành : 9 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi phát hành : 9 cổ đông
- Số lượng cổ đông góp vốn : 7 cổ đông
- Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu:

Mục đích sử dụng vốn	Số tiền theo phương án sử dụng vốn *(đồng)*	Số tiền đã sử dụng *(đồng)*	Ghi chú
Thanh toán tiền mượn cho cá nhân Tsai Ya Hui (3)	6.086.159.500	6.086.159.500	Đã sử dụng hết
Thanh toán tiền cho cá nhân Chi Wei Shiu (3)	1.016.254.500	1.016.254.500	
Thanh toán tiền đợt 5 cho nhà cung cấp CTCP Xây Dựng Việt Nhất	3.663.000.000	3.663.000.000	
Thanh toán nợ vay ngân hàng	8.000.000.000	8.000.000.000	
Bổ sung vốn lưu động	1.234.586.000	1.234.586.000	
Tổng cộng	**20.000.000.000**	**20.000.000.000**	

(3): Các khoản tiền mượn này được Công ty sử dụng cho mục đích chi lương cho cán bộ công nhân viên, thanh toán tiền cho nhà cung cấp và các khoản chi lưu động khác.

➢ **Đợt 4: Tăng vốn tháng 01/2019 từ 60 tỷ đồng lên 80 tỷ đồng**

- Tên cổ phiếu phát hành : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô
- Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông

FPT Securities

- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu và các nhà đầu tư chiến lược
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Giá phát hành : 12.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phát hành : 2.000.000 cổ phiếu
- Ngày phát hành : 10/12/2018
- Ngày hoàn tất đợt phát hành : 26/12/2018
- Tổng số tiền thu được : 24.000.000.000 đồng

+ *Số tiền thu được đến ngày 10/12/2018 : 24.000.000.000 đồng*

· *Vốn góp của chủ sở hữu : 20.000.000.000 đồng*

· *Thặng dư vốn cổ phần : 4.000.000.000 đồng*

- Thời gian hạn chế chuyển nhượng : Không có
- Phương thức góp vốn : Bằng tiền
- Hình thức phát hành : Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu và các nhà đầu tư chiến lược
- Mục đích sử dụng vốn : Bổ sung vốn lưu động của Công ty.
- Số lượng cổ đông trước khi phát hành : 8 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi phát hành : 13 cổ đông
- Số lượng cổ đông góp vốn : 13 cổ đông
- Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu:

Mục đích sử dụng vốn	Số tiền theo phương án sử dụng vốn *(đồng)*	Số tiền đã sử dụng *(đồng)*	Ghi chú
Thanh toán nợ vay ngân hàng	3.360.421.235	3.360.421.235	Đã sử dụng hết
Thanh toán nợ vay ngân hàng	4.017.251.820	4.017.251.820	
Thanh toán tiền mua hàng cho nhà cung cấp CTCP Công Nghiệp Việt Nhất	715.557.084	715.557.084	
Thanh toán nợ vay ngân hàng	9.203.174.300	9.203.174.300	

FPT Securities

Mục đích sử dụng vốn	Số tiền theo phương án sử dụng vốn *(đồng)*	Số tiền đã sử dụng *(đồng)*	Ghi chú
Gửi tiết kiệm kì hạn 1 tháng	2.000.000.000	2.000.000.000	
Bổ sung vốn lưu động	703.595.561	703.595.561	
Tổng cộng	**24.000.000.000**	**24.000.000.000**	

Thông tin về xử phạt liên quan đến quá trình tăng vốn của Công ty:

- Ngày 30/12/2019, Công ty nhận được Quyết định số 523/QĐ-XPVPHC của Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương về xử phạt hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư về hành vi kê khai không trung thực, không chính xác nội dung hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. Theo đó, Công ty đã thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh trước khi thực hiện góp vốn đầy đủ tại đợt tăng vốn lần 1 (tăng vốn từ 10 tỷ lên 26 tỷ), đợt tăng vốn lần 2 (tăng vốn từ 26 tỷ lên 40 tỷ) và đợt tăng vốn lần 3 (tăng vốn từ 40 tỷ lên 60 tỷ).
- Ngày 03/01/2020, Công ty đã chấp hành nộp phạt theo Quyết định số 523/QĐ-XPVPHC ngày 30/12/2019 của Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương.
- Ngày 24/06/2022, Công ty đã nộp hồ sơ thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp lần thứ 4, thứ 5 và thứ 7 đến Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương để thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.
- Ngày 30/06/2022, Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 cho Công ty.
- Ngày 11/07/2022, Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương có công văn số 278/TTr xác nhận CTCP Công nghệ Ha Lô đã hoàn thành biện pháp khắc phục hậu quả theo Quyết định số 523/QĐ-XPVPHC ngày 30/12/2019 của Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương.

1.5 Ngày Công ty đáp ứng điều kiện công ty đại chúng

Ngày 31/05/2021, Công ty đã đủ điều kiện để trở thành công ty đại chúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 của Luật Chứng khoán: Công ty có vốn điều lệ đã góp từ 30 tỷ đồng trở lên và có tối thiểu là 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết do ít nhất 100 nhà đầu tư không phải là cổ đông lớn nắm giữ.

1.6 Thông tin về cơ cấu cổ đông tại ngày công ty đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng bao gồm

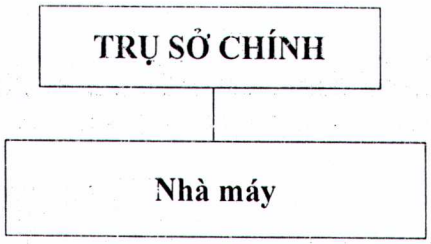
- Số lượng cổ đông không phải là cổ đông lớn: 102 cổ đông;
- Tổng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông không phải là cổ đông lớn: 812.810 cổ phiếu (tương ứng tỷ lệ 10,16% vốn điều lệ).

(Đã đủ điều kiện là Công ty đại chúng theo quy định tại Luật Chứng khoán 2019 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021)

FPT Securities

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

CTCP Công nghệ Ha Lô được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.



+ **Trụ sở chính:**

Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, Khu Phố Khánh Lộc, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

+ **Nhà máy:**

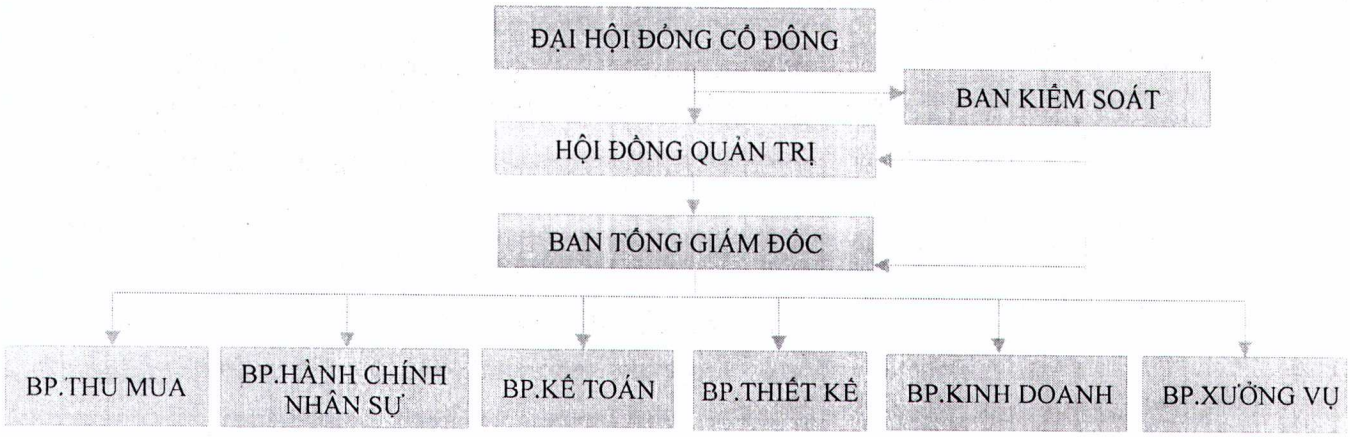
Địa chỉ: Thửa đất số 1616, Tờ bản đồ số 39, Đường Trịnh Hoài Đức, Khu Phố Khánh Lộc, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

CTCP Công nghệ Ha lô hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Hiện trong hệ thống của Công ty bao gồm trụ sở chính và cũng là nhà máy.

Mô hình hoạt động của công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:

Cơ cấu tổ chức



Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Cơ cấu tổ chức của công ty như sau:

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông ủy quyền, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, trong đó có quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty gồm 9 thành viên, là cơ quan quản lý của Công ty. Hội đồng quản trị đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và có thể được bầu lại với số lần không hạn chế. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch theo nguyên tắc quá bán.

Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát có 03 thành viên, Trưởng Ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán – kiểm toán. Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, là những người thay mặt cho các cổ đông kiểm soát toàn bộ hoạt động của Công ty, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện của Ban.

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc gồm 01 Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành và quyết định về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Các phòng ban chức năng

Bộ phận hành chính nhân sự:

Định biên cơ cấu tổ chức, quản lý nhân sự: tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm, điều chuyển; Thiết lập các quy chế về tiền lương, tiền thưởng từ quỹ lương và các chế độ chính sách khác đối với người lao động theo quy định của Công ty, của pháp luật.

Bộ phận kế toán:

Tổng hợp thông tin, phân tích và lập báo cáo tài chính; Quản lý, kiểm soát hệ thống thống kê, kế toán trong toàn Công ty.

Bộ phận thiết kế:

Căn cứ vào nhu cầu khách hàng để thiết kế sản phẩm phù hợp, làm căn cứ để bộ phận sản xuất tiến hành sản xuất.

Bộ phận kinh doanh:

Tìm hiểu khách hàng, mở rộng thị trường và phụ trách việc bán hàng nhằm đạt được kế hoạch đề ra. Đồng thời, Bộ phận kinh doanh chịu trách nhiệm chăm sóc khách hàng sau khi bán.

Bộ phận xưởng vụ:

Tiếp nhận lệnh sản xuất, tạo ra sản phẩm để hoàn thành đơn hàng.

Bộ phận thu mua:

Mua hàng: Đề nghị mua hàng, yêu cầu cung cấp báo giá, thương lượng giá, xác nhận đơn đặt hàng, nhận hàng, kiểm tra chất lượng, quy cách, nhập kho, thanh toán.

Quản lý nhà cung ứng: Khai thác nhà cung ứng, xác định nhà cung ứng đạt yêu cầu, đánh giá định kỳ hiệu quả nhà cung ứng.

4. Cơ cấu cổ đông

4.1 Cơ cấu cổ đông tại ngày 22/03/2024

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu *(cổ phần)*	Tỷ lệ *(%)*
I	**Cổ đông trong nước, nước ngoài**			
1	**Trong nước**	**103**	**4.851.800**	**60,65%**
1.1	Nhà nước	-	-	-
1.2	Tổ chức	-	-	-
1.3	Cá nhân	103	4.851.800	60,65%
2	**Nước ngoài**	**5**	**3.148.200**	**39,35%**
2.1	Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	1	800.000	10%
2.2	Cá nhân	4	2.348.200	29,35%
	TỔNG CỘNG	**108**	**8.000.000**	**100%**
II	**Cổ đông lớn, cổ đông khác**			
1	Cổ đông lớn	6	7.187.190	89,84%
2	Cổ đông khác	102	812.810	10,16%
	TỔNG CỘNG	**108**	**8.000.000**	**100%**

Nguồn: Danh sách cổ đông của CTCP Công nghệ Ha Lô tại ngày 22/03/2024

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

4.2 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của công ty tại ngày 22/03/2024

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu *(cổ phần)*	Tỷ lệ *(%)*
Kỷ Minh Du	Số 9, đường số 2, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11, TP. HCM	3.567.190	44,59%
TSAI, YA-HUI	No.5, Aly.4, Ln.297, Zhulin Rd., Linkou Dist, New Taipei City 244, Taiwan (R.O.C.)	1.000.000	12,50%
Tôn Nữ Bảo Vy	Số 9, đường số 2, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11, TP. HCM	800.000	10,00%
JUST SUCCESSFUL INC	No.24, Lesperance, Providence Industrial, Estate, Mahe, Seychelles	800.000	10,00%
CHI WEI-SHIU	13F., No.738, Sec. 7, New Taipei Blvd., Xinzhuang Dist., New Taipei City 242, Taiwan (R.O.C.)	620.000	7,75%
CHAO LENG TSO	13F., No.738, Sec. 7, New Taipei Blvd., Xinzhuang Dist., New Taipei City 242, Taiwan (R.O.C.)	400.000	5,00%

Nguồn: Danh sách cổ đông của CTCP Công nghệ Ha Lô tại ngày 22/03/2024

4.3 Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Theo Luật doanh nghiệp, sau thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình. CTCP Công nghệ Ha Lô được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 16/10/2014. Do đó, tính đến thời điểm hiện tại, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty đại chúng, những công ty mà Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty đại chúng

- Công ty mẹ: Không có
- Công ty con: Không có
- Công ty liên kết: Không có
- Công ty mà HLO nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối: Không có
- Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với HLO: Không có

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Hoạt động kinh doanh của Công ty

CTCP Công Nghệ Ha Lô có 02 mảng hoạt động kinh doanh chính là:

+ Sản xuất và tư vấn, quản lý kỹ thuật: Công ty chuyên về sản xuất thiết bị cho ngành xi mạ (dây chuyền xi mạ, thiết bị xung quanh xi mạ, thiết bị xử lý nước thải, các loại móc treo - *loại móc dùng để treo sản phẩm trước khi nhúng vào bể hóa chất trong quá trình xi mạ,...*) và tư vấn lắp các thiết bị xi mạ, các hệ thống xử lý chất thải, lọc không khí, lọc nước.

+ Thương mại: Bán buôn hóa chất xử lý bề mặt kim loại phục vụ hoạt động xi mạ, nguyên liệu nhựa công nghiệp; máy móc thiết bị xi mạ, phụ tùng máy móc thiết bị, phụ kiện ngành công nghiệp.

Quy trình hoạt động:

+ **Đối với sản phẩm do công ty sản xuất:** Bộ phận kinh doanh tìm kiếm và nắm bắt nhu cầu khách hàng. Sau đó, Bộ phận kinh doanh sẽ tư vấn, gửi bản vẽ cho khách. Nếu khách hàng đồng ý bản vẽ sẽ làm hàng mẫu (nếu có). Sau khi hàng mẫu đạt tiêu chuẩn, Công ty tiến hành gửi báo giá cho khách hàng. Sau khi đạt thỏa thuận về giá, Khách hàng chính thức gửi đơn đặt hàng. Công ty tiến hành ký hợp đồng, nhận đặt cọc (nếu có) và tiến hành sản xuất, sắp xếp giao hàng. Tùy vào đối tượng khách hàng khác nhau và thỏa thuận của 2 bên mà thu ngay, công nợ 30 ngày – 60 ngày hoặc thu tiền theo tiến độ.

+ **Đối với hàng hóa:** Bộ phận kinh doanh rà soát, nắm bắt nhu cầu khách hàng và tiến hành gửi báo giá cho khách hàng. Sau đó, tiến hành thỏa thuận giá với Khách hàng. Sau khi hai bên đồng ý giá, Khách hàng gửi đơn đặt hàng đến Công ty và Công ty sắp xếp giao hàng. Tùy vào đối tượng khách hàng khác nhau và thỏa thuận của 02 bên mà thu tiền ngay hoặc công nợ 30 ngày – 60 ngày

Nguyên vật liệu:

Hoạt động chính của Công ty thuộc sản xuất thiết bị phục vụ hoạt động xi mạ. Do đó, nguyên liệu chủ yếu sử dụng là các thiết bị máy móc được nhập khẩu chủ yếu từ Đài Loan, Trung Quốc. Ngoài ra đối với hoạt động bán buôn hóa chất nguồn đầu của công ty là hóa chất được mua chủ yếu từ một số nhà cung cấp lớn trong nước và nhà cung cấp có nhà máy sản xuất tại Việt Nam.

Để đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào với chất lượng cao nhất cũng như đảm bảo việc chủ động được nguồn nguyên liệu đáp ứng đầy đủ, kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty thực hiện đa dạng hóa nhà cung cấp nhằm đảm bảo luôn đủ nguồn cung nguyên vật liệu. Công ty luôn tích cực tìm kiếm, hợp tác với các nhà cung cấp có năng lực và uy tín cả trong và ngoài nước. Chính vì vậy công ty luôn đảm bảo được chất lượng nguồn nguyên liệu đầu vào hiệu quả, đáp ứng đủ, kịp thời, đạt chất lượng.

Xưởng sản xuất:

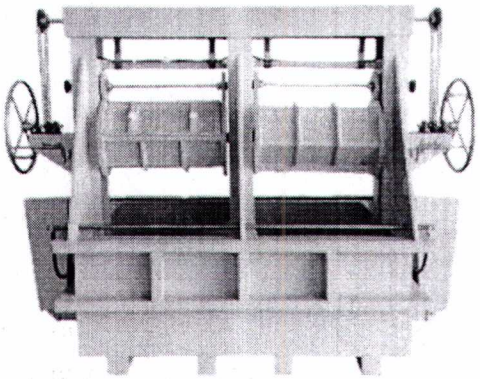
Nhà xưởng có diện tích 8.112 m^2 đặt tại Bình Dương. Xưởng được trang bị nhiều trang thiết bị hiện đại có quy mô vừa và lớn cụ thể: cầu trục 10 tấn có chiều rộng 52 m, chiều dài 156 m, dàn nâng cao 7,5 m, vì thế có thể thiết kế các loại thiết bị lớn, trung, vừa, đồng thời tạo dựng mặt sàn

FPT Securities

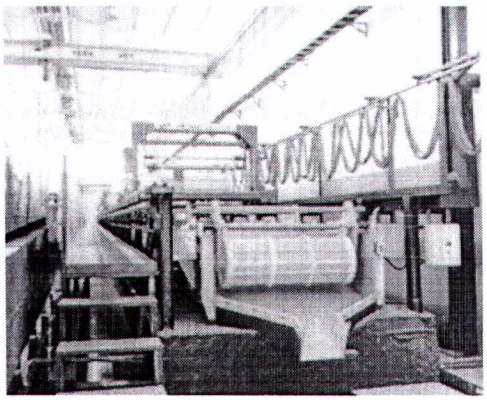
bệ máy, thiết bị được kiểm tra tại nhà máy trước khi giao tới khách hàng đảm bảo chất lượng và tính ổn định của thiết bị xi mạ.

Các sản phẩm của Công ty bao gồm:

+ Thiết bị xi mạ theo phương pháp mạ quay: Thiết bị mạ quay thủ công, Thiết bị mạ quay bán tự động, Thiết bị mạ quay tự động,...

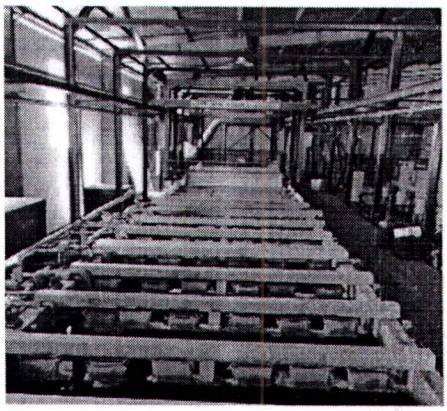


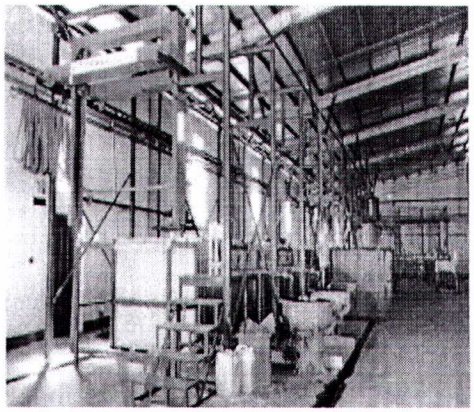
Thết bị mạ quay thủ công



Thiết bị mạ quay tự động

+ Thiết bị xi mạ theo phương pháp mạ treo: Thiết bị mạ treo thủ công, Thiết bị mạ treo dạng xoay vòng bán tự động, Thiết bị mạ treo dạng cánh tay thẳng đứng, Thiết bị mạ treo dạng xoay vòng thẳng đứng lên xuống, dây chuyền dàn mạ,..



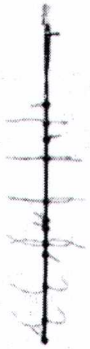


Thiết bị mạ treo tự động

+ Móc treo: là bộ phận trong thiết bị xi theo phương pháp mạ treo, có chức năng móc sản phẩm để xi mạ, bao gồm: Móc treo cung cấp cho mạ nhựa, móc treo cung cấp cho mạ titan, móc treo dạng vòng, móc treo thông thường,...

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

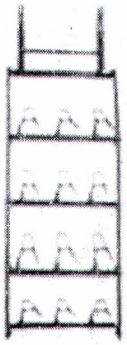
FPT Securities



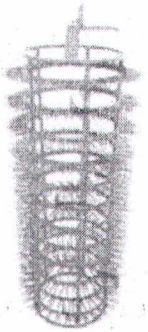
Móc treo cung cấp cho mạ nhựa



Móc treo cung cấp cho mạ titan



Móc treo dạng khung

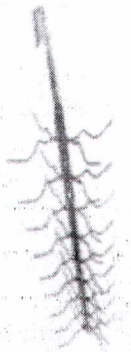


Móc treo dạng vòng



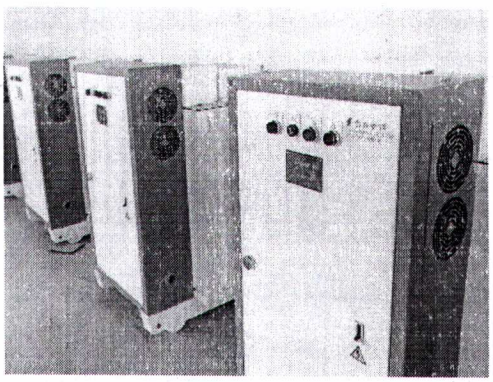




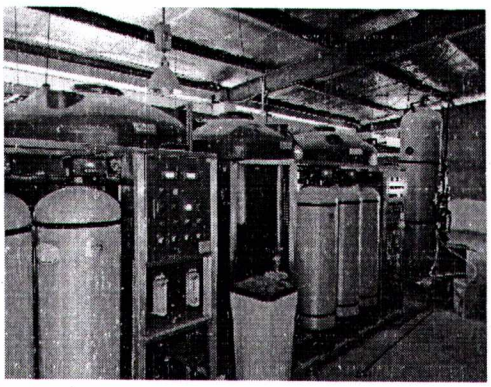


Móc treo thông thường

+ Hàng hóa khác: máy siêu âm, máy lọc, máy chỉnh lưu, máy thổi khí, máy nước cất



Máy chỉnh lưu SCR



Thiết bị lọc thẩm thấu RO+DI

Địa bàn hoạt động

Công ty cung cấp các sản phẩm dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Phước, Hà Nội... và xuất khẩu sang Thái Lan, Indonesia...

FPT Securities

6.2. Cơ cấu sản lượng qua 02 năm gần nhất

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022	Năm 2023	% tăng, giảm 2023/2022
1. Móc treo	Cái	40.304	20.684	-48,68%
2. Hệ thống xi mạ, thiết bị đi kèm	Cái	3.437	4.084	+18,82%
3. Hàng hóa (hóa chất xử lý bề mặt kim loại phục vụ hoạt động xi mạ)	Kg	910.632	706.609	-22,40%

Nguồn: CTCP Công nghệ Ha Lô

Về hoạt động sản xuất, sản phẩm của Công ty chủ yếu là thiết bị cho ngành xi mạ như dây chuyền xi mạ, thiết bị xung quanh xi mạ, thiết bị xử lý nước thải, các loại móc treo,... Năm 2023, sản lượng sản xuất hệ thống xi mạ và thiết bị đi kèm đạt 4.084 cái, tăng 18,82% so với cùng kỳ do trong năm Công ty đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành và bàn giao nhiều sản phẩm cho khách hàng như các dây chuyền mạ treo tự động dạng tay đòn và các thiết bị phụ trợ xung quanh thiết bị,... Sản lượng móc treo đạt 20.684 cái, giảm 48,68% so với năm 2022 do trong năm Công ty sản xuất nhiều móc treo cỡ lớn, đồng thời đơn hàng giảm.

Về hoạt động thương mại, chủ yếu Công ty buôn hóa chất xử lý bề mặt kim loại phục vụ hoạt động xi mạ như mạ kẽm (hóa chất xi mạ kẽm kiềm không xyanua, mạ kẽm chua), mạ đồng (mạ đồng xyanua, mạ đồng sulfat), mạ niken (mạ niken bán bóng, hóa chất xi mạ niken bóng, mạ niken vi lỗ), mạ photphat (photphat nhôm, photphat nano),... Năm 2023, sản lượng bán hóa chất của Công ty đạt 706.609 kg, giảm 22,04% do hoạt động xi mạ trong năm hạn chế, nhu cầu mua hóa chất phục vụ hoạt động xi mạ của các khách hàng giảm.

6.3. Cơ cấu doanh thu thuần qua 02 năm gần nhất

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		% tăng, giảm 2023/2022
	Giá trị *(đồng)*	Tỷ trọng *(%)*	Giá trị *(đồng)*	Tỷ trọng *(%)*	
1. Móc treo	9.645.912.060	6,93%	7.074.537.701	7,03%	-26,66%
2. Hệ thống xi mạ, thiết bị đi kèm	82.752.989.442	59,41%	49.649.644.679	49,37%	-40,00%
3. Hàng hóa	46.888.922.310	33,66%	43.846.269.000	43,60%	-6,49%
Tổng doanh thu thuần	**139.287.823.812**	**100%**	**100.570.451.380**	**100%**	**-27,80%**

FPT Securities

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 của CTCP Công nghệ Ha Lô

Trong bối cảnh Việt Nam và cả thế giới đang đối mặt với suy thoái kinh tế, CTCP Công nghệ Ha Lô phải đối mặt với nhiều tác động trực tiếp và gián tiếp. Trong năm 2023, tổng doanh thu thuần của Công ty đạt 100,57 tỷ đồng, giảm 27,8% so với năm 2022 tương ứng giảm 38,72 tỷ đồng.

Trong cơ cấu doanh thu thuần, doanh thu mảng hệ thống xi mạ đạt 49,65 giảm 40% tương ứng giảm 33,1 tỷ đồng so với năm 2022. Nguyên nhân là do trong năm Công ty bàn giao nhiều sản phẩm từ hợp đồng đã ký vào năm 2022 với giá bán thấp hơn để tạo việc làm cho người lao động thời gian sau dịch bệnh Covid-19. Công ty cũng chịu sự cạnh tranh gay gắt với các công ty nước ngoài và phải chứng minh năng lực Ha Lô với các khách hàng lớn. Ngoài ra, một số khách hàng tiềm năng của Công ty cắt giảm chi phí, đặc biệt một số công trình lớn đã báo giá để triển khai nhưng tạm ngưng hoặc trì hoãn triển khai. Trong đó, mảng dịch vụ tư vấn lắp đặt, vận hành khi bàn giao sản phẩm cho khách hàng để đảm bảo tính ổn định thao tác và tuân thủ nguyên tắc trong quá trình sử dụng hệ thống, thiết bị chiếm 67,07% doanh thu mảng hệ thống xi mạ, thiết bị đi kèm.

Doanh thu mảng móc treo đạt 7,07 tỷ đồng, giảm 26,66% tương ứng giảm 2,57 tỷ đồng so với cùng kỳ chủ yếu do đơn hàng sụt giảm. Trong tình trạng đơn hàng giảm sút, tốc độ giảm doanh thu mảng móc treo chậm hơn tốc độ giảm sản lượng (giảm 48,68%) so với cùng kỳ do trong năm Công ty sản xuất nhiều móc treo cỡ lớn chỉ làm sản lượng giảm, ít làm doanh thu giảm. *(Các móc treo Công ty sản xuất theo yêu cầu của khách hàng nên kích thước không đồng đều.)*

Doanh thu từ mảng hàng hóa (hóa chất) đạt 43,85 tỷ đồng, giảm 6,49% tương ứng giảm 3,04 tỷ đồng so với năm 2022. Mặc dù trong năm nhu cầu khách hàng giảm làm cho sản lượng giảm 22,4% so với cùng kỳ nhưng nhờ giá hóa chất tăng nên doanh thu mảng hóa chất chỉ giảm nhẹ 6,49% so với năm năm 2022.

Về cơ cấu doanh thu thuần năm 2023, chiếm tỷ trọng lớn là mảng hệ thống xi mạ, thiết bị đi kèm và mảng hàng hóa, chiếm lần lượt 49,37% và 43,06% tổng doanh thu thuần. Phần còn lại là mảng móc treo với tỷ trọng là 7,03% tổng doanh thu thuần.

6.4. Cơ cấu lợi nhuận gộp qua 02 năm gần nhất

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		% tăng, giảm 2023/2022
	Giá trị *(đồng)*	LNG/DTT *(%)*	Giá trị *(đồng)*	LNG/DTT *(%)*	
1. Móc treo	3.134.315.438	32,49%	2.450.547.727	34,64%	-21,82%
2. Hệ thống xi mạ, thiết bị đi kèm	21.367.299.946	25,82%	5.589.831.176	11,26%	-73,84%
3. Hàng hóa	10.775.215.577	22,98%	8.541.639.167	19,48%	-20,73%

FPT Securities

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		% tăng, giảm 2023/2022
	Giá trị *(đồng)*	LNG/DTT *(%)*	Giá trị *(đồng)*	LNG/DTT *(%)*	
Tổng lợi nhuận gộp	**35.276.830.961**	**25,33%**	**16.582.018.070**	**16,49%**	**-52,99%**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 của CTCP Công nghệ Ha Lô

Năm 2023, biên lợi nhuận gộp (LNG/DTT) Công ty đạt 16,49%. Biên lợi nhuận gộp của mảng móc treo, mảng hệ thống xi mạ và mảng hàng hóa lần lượt đạt 34,64%, 11,26% và 19,48%. Nhìn chung, các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty đều có biên lợi nhuận giảm so với năm trước.

Tổng lợi nhuận gộp của Công ty trong năm 2023 giảm đáng kể (52,99%) so với năm 2022, chỉ còn 16,58 tỷ đồng. Trong đó, lợi nhuận gộp từ mảng hệ thống xi mạ và thiết bị đi kèm đạt 5,59 tỷ đồng, giảm 73,84% so với cùng kỳ. Nguyên nhân của việc giảm lợi nhuận gộp mảng này chủ yếu do việc bàn giao sản phẩm từ các hợp đồng ký kết từ năm 2022 với giá bán thấp hơn. Mặc dù chi phí sản xuất trên một đơn vị sản phẩm không thay đổi, nhưng doanh thu từ sản phẩm này giảm và lợi nhuận từ sản phẩm này âm, dẫn đến giảm lãi cho Công ty.

Lợi nhuận gộp mảng móc treo đạt 2,45 tỷ đồng, giảm 21,82% so với năm 2022 do nền kinh tế đi vào thời kỳ khó khăn, khách hàng giảm nhu cầu, doanh thu mảng này giảm 26,66%, giá vốn giảm 28,99% so với cùng kỳ.

Lợi nhuận gộp mảng hàng hóa của Công ty đạt 8,54 tỷ đồng, giảm 20,74% và giảm nhiều hơn doanh thu (giảm 6,49%) chủ yếu do giá cả hóa chất đầu vào tăng, giá bán đầu ra chưa kịp tăng tương ứng.

6.5. Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		% tăng, giảm 2023/2022
	Giá trị *(đồng)*	%DTT	Giá trị *(đồng)*	%DTT	
1. Giá vốn hàng bán	104.010.992.851	74,67%	83.988.433.310	83,51%	-19,25%
2. Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.875.604.087	4,22%	5.441.481.285	5,41%	-7,39%
3. Chi phí bán hàng	9.096.796.148	6,53%	7.271.402.127	7,23%	-20,07%
4. Chi phí tài chính	172.733.182	0,12%	111.418.599	0,11%	-35,50%
5. Chi phí khác	250.946	0,00%	24.401.540	0,02%	+9.623,82%

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		% tăng, giảm 2023/2022
	Giá trị *(đồng)*	%DTT	Giá trị *(đồng)*	%DTT	
Tổng chi phí	**119.156.377.214**	**85,55%**	**96.843.136.861**	**96,29%**	**-18,73%**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 của CTCP Công nghệ Ha Lô

Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng cao, đến 83,51% doanh thu thuần trong năm 2023 (74,67% trong năm 2022) đạt 83,99 tỷ đồng, giảm 19,25% so với cùng kỳ. Trong đó, giá vốn mảng hệ thống xi mạ chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu giá vốn với 52,46%. Việc bàn giao sản phẩm dây chuyền xi mạ và sản phẩm phụ trợ đi kèm (đã ký hợp đồng từ năm 2022) với mức giá bán thấp hơn mức chuẩn nhằm ghi nhận năng lực, tạo việc làm trong bối cảnh khó khăn do suy thoái kinh tế và hậu đại dịch cùng với nhu cầu khách hàng sụt giảm khiến tổng doanh thu giảm 27,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, giá vốn năm 2023 giảm chủ yếu do đơn hàng sản xuất giảm, giá vốn trên một sản phẩm không thay đổi nhiều. Chính vì vậy, tốc độ giảm giá vốn chậm hơn tốc độ giảm doanh thu.

Chi phí quản lý doanh nghiệp đạt 5,44 tỷ đồng, giảm 7,39% so với năm 2022 và chiếm 5,41% tổng doanh thu thuần do chi phí nhân viên quản lý giảm 11,18% và chi phí nguyên liệu, vật liệu giảm 38,68% so với cùng kỳ. Chi phí bán hàng chiếm tỷ trọng 7,23% tổng doanh thu thuần trong năm 2023 và giảm 20,07% tương ứng giảm 1,83 tỷ đồng so với năm 2022, nguyên nhân chủ yếu do chi phí nhân viên bán hàng giảm 27,52%. Chi phí tài chính đạt 111,42 triệu đồng, giảm 35,5% so với cùng kỳ do Công ty giảm khoản lỗ chênh lệch tỷ giá so với năm 2022. Chi phí khác mặc dù tăng mạnh hơn 9 lần nhưng chiếm tỷ trọng không đáng kể trong cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty.

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 02 năm gần nhất

7.1. Một số chỉ tiêu kết quả hoạt động kinh doanh 02 năm gần nhất

Kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2022 và năm 2023 được thể hiện trong bảng dưới đây:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% Tăng giảm 2023/2022
1. Tổng giá trị tài sản	167.945.281.966	149.767.616.170	-10,82%
2. Vốn chủ sở hữu	126.674.110.233	132.104.721.892	+4,29%
3. Doanh thu thuần	139.287.823.812	100.570.451.380	-27,80%
- Doanh thu thuần bán hàng	*47.207.218.910*	*43.806.054.130*	*-7,20%*
- Doanh thu thuần lắp đặt	*69.186.468.109*	*33.300.039.340*	*-51,87%*

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% Tăng giảm 2023/2022
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	*22.894.136.793*	*23.464.357.910*	*+2,49%*
4. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	20.930.718.881	5.670.862.943	-72,91%
5. Lợi nhuận khác	197.127.868	786.289.987	+298,87%
6. Lợi nhuận trước thuế	21.127.846.749	6.457.152.930	-69,44%
7. Lợi nhuận sau thuế	16.627.539.267	5.430.611.659	-67,34%
8. Giá trị sổ sách 01 cổ phiếu	15.834	16.513	+4,29%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 của CTCP Công nghệ Ha Lô

Từ môi trường kinh doanh còn rất nhiều thách thức do các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế, áp lực cạnh tranh gay gắt trong lĩnh vực kinh doanh hóa chất xi mạ và thiết kế hệ thống xử lý chất thải,... Kết thúc năm 2023, nền kinh tế còn nhiều khó khăn do suy thoái toàn cầu, doanh thu Công ty giảm 27,8% so với năm 2022 tương đương giảm 38,72 tỷ, nguyên nhân chủ yếu đến từ sản lượng thành phẩm tiêu thụ của mảng móc treo và hàng hóa giảm đáng kể. Đồng thời, hoạt động dịch vụ lắp đặt hệ thống xi mạ khi Công ty bàn giao sản phẩm cho khách hàng năm 2023 giảm mạnh, chỉ đạt 33,3 tỷ đồng, giảm 51,87% tương đương giảm 35,89 tỷ đồng so với năm 2022, nguyên nhân do đơn hàng giảm, nên các dịch vụ gia tăng giảm .

Lợi nhuận sau thuế Công ty đạt 5,43 tỷ đồng, thấp hơn 11,2 tỷ đồng so với năm 2022 tương đương giảm 67,34% do nguyên vật liệu, hàng hóa đầu vào tăng cao, đơn hàng sụt giảm, việc bàn giao sản phẩm với giá bán thấp (vì đã ký hợp đồng từ năm 2022) trong khi giá vốn trên một sản phẩn vẫn không thay đổi nhiều. Ngoài ra, năm 2023, Công ty hoàn nhập 711,11 triệu đồng khoản dự phòng bảo hành công trình từ các năm trước nên lợi nhuận khác ghi nhận 786,29 triệu đồng, gấp gần 3 lần so với năm trước, tuy nhiên tỷ trọng không cao trong cơ cấu tổng doanh thu.

Ý kiến kiểm toán đối với các báo cáo tài chính đến thời điểm đăng ký giao dịch

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022:

Ý kiến của kiểm toán viên Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC ("AISC") như sau: "Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính."

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023:

Ý kiến của kiểm toán viên Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC ("AISC") như sau: "Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô tại ngày

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính."

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty

Thuận lợi

- Công ty cung cấp toàn diện các sản phẩm, dịch vụ chất lượng trong lĩnh vực xi mạ đáp ứng nhu cầu của các khách hàng và đối tác kinh doanh;
- Các trang thiết bị, máy móc, công nghệ của Công ty luôn được cập nhật và cải tiến tạo lợi thế cạnh tranh so với các doanh nghiệp cùng ngành;
- Sự phối hợp đồng đều giữa các cổ đông, ban lãnh đạo Công ty và người lao động đã giúp Công ty tối ưu quy trình và nâng cao năng lực làm việc;
- Công ty luôn duy trì và chăm sóc tận tình các khách hàng lâu năm, tạo nền tảng cho sản phẩm đầu ra của Công ty ổn định;
- Vị trí kinh doanh và nơi đặt nhà xưởng thuận lợi trong việc vận chuyển, phân phối và bán hàng.

Khó khăn

- Công ty hoạt động kinh doanh trong ngành phụ trợ sản xuất công nghiệp, cho nên năm 2023 kinh tế tăng trưởng chậm lại cũng ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Nền kinh tế khó khăn, số lượng đơn hàng sụt giảm đáng kể trong khi chi phí vận hành doanh nghiệp vẫn tăng;
- Nguồn đầu vào của Công ty chủ yếu nhập khẩu, giá nguyên liệu đầu vào phụ thuộc vào độ biến động của thị trường ngoại hối;
- Mức độ cạnh tranh so với các doanh nghiệp cùng ngành ngày càng cao.

8. Vị thế của công ty trong ngành

8.1 Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Trải qua gần 10 năm hình thành và phát triển, CTCP Công nghệ Ha Lô đã phấn đấu không ngừng để tồn tại, ổn định và phát triển. Qua mỗi giai đoạn, Công ty đã vượt qua nhiều khó khăn, thử thách để từng bước khẳng định vị thế trong ngành cũng như sự tín nhiệm của khách hàng.

CTCP Công nghệ Ha Lô là đơn vị tiên phong trong việc cung ứng giải pháp toàn diện cho các doanh nghiệp xi mạ, đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng. Công ty cung cấp các sản phẩm như: dây chuyền sản xuất, hệ thống lọc khí, hệ thống xử lý nước thải, đào tạo nhân lực, chuyển giao công nghệ, cung cấp hóa chất, cung cấp dụng cụ xi mạ,...

So với các doanh nghiệp trong cùng ngành, Công ty có những lợi thế nhất định như:

+ Hệ thống máy móc thiết bị hiện đại;
+ Nguồn hàng ổn định, đa dạng;
+ Các cổ đông đều là những người hoạt động lâu năm trong ngành xi mạ;

+ Đội ngũ chuyên gia kỹ thuật giỏi chuyên môn, có thâm niên trong nghề, sẵn sàng giải quyết mọi vấn đề về chất lượng sản phẩm;
+ Các mối quan hệ sâu rộng, tạo nền tảng khách hàng trung thành;
+ Vị trí đặt trụ sở, nhà xưởng sản xuất thuận lợi, gần các khách hàng tiềm năng.

Xét về quy mô vốn, Công ty có quy mô không lớn hơn các doanh nghiệp cùng ngành nhưng xét về khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường, năng suất lao động, chính sách đào tạo và tay nghề công nhân, Công ty ở top đầu trong các doanh nghiệp ngành cung cấp thiết bị xi mạ hiện nay.

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Xi mạ là một ngành liên quan đến nhiều ngành công nghiệp khác nhau, hầu hết các đồ gia dụng hoặc đồ dùng gia đình, sản phẩm máy bay và máy công cụ được mạ tăng độ bền. Đây là những ngành có tiềm năng phát triển lớn, kéo theo đó là sự phát triển cho ngành phục vụ cho ngành xi mạ.

Hầu hết các nhà máy cơ sở sản xuất xi mạ hiện có quy mô vừa và nhỏ công nghệ cũ lạc hậu, tập trung chủ yếu ở Bình Dương, TP.Hồ Chí Minh, Đồng Nai, một số tỉnh lân cận như Long An, Tây Ninh và một số tỉnh phía Bắc như Hà Nội, Ninh Bình, Vĩnh Phúc... Đây là một trong những đối tượng khách hàng tiềm năng khi mà công nghệ ngày càng phát triển yêu cầu đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh là việc cần thiết.

Xi mạ là nguồn gốc phát sinh lượng chất thải nguy hại ra môi trường nếu không được xử lý kỹ. Vấn đề bảo vệ môi trường ngày càng được dư luận chú ý, được cơ quan ban ngành coi trọng nên việc đầu tư hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn là việc hết sức cần thiết của tất cả các doanh nghiệp nói chung, và của các doanh nghiệp xi mạ nói riêng.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Số lượng người lao động trong công ty

Tại ngày 31/12/2023, số lượng người lao động trong Công ty như sau:

STT	Tiêu chí	Số lượng *(người)*	Tỷ lệ *(%)*
I	**Theo trình độ**	**75**	**100%**
1	Đại học và sau đại học	16	21%
2	Cao đẳng, trung cấp	10	13%
3	Lao động phổ thông	49	65%
II	**Theo giới tính**	**75**	**100%**
1	Nam	54	72%
2	Nữ	21	28%

Nguồn: CTCP Công nghệ Ha Lô

9.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

Chế độ làm việc

Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày và 6 ngày/tuần. Tất cả cán bộ công nhân viên đều được nghỉ phép năm và hưởng các chế độ nghỉ ngơi, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật.

Công ty luôn cung cấp đầy đủ trang thiết bị cho CBCNV. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động và luôn tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc về an toàn lao động.

Chính sách đào tạo

Với phương châm nhân lực là nguồn lực quan trọng nhất tạo nên thành công cho Công ty, Ha Lô luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực với các chính sách đào tạo, bồi dưỡng. Người lao động được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ theo yêu cầu của công việc. Các chương trình đào tạo được triển khai bài bản không chỉ nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự đáp ứng yêu cầu công việc trong từng thời điểm mà còn giúp cán bộ công nhân viên chuẩn bị hành trang tốt nhất cho lộ trình phát triển bản thân trong tương lai. Chất lượng nhân sự được đảm bảo góp phần nâng cao vị thế cạnh tranh của Ha Lô, tránh tình trạng quản lý lỗi thời và giúp Công ty giải quyết các vấn đề về tổ chức.

Chính sách lương, thưởng và phúc lợi

Công ty xây dựng chính sách lương dựa trên thang bảng lương của Nhà nước và các đơn vị cùng ngành, hệ suất năng suất của từng cá nhân và dựa trên tình hình kinh doanh của Công ty. Công ty thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ đối với người lao động theo đúng chế độ, chính sách quy định theo quy định pháp luật hiện hành và có chính sách khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có công đóng góp cho Công ty. Các chính sách đãi ngộ thể hiện sự quan tâm của Công ty đến đời sống vật chất, tinh thần của toàn thể cán bộ công nhân viên, tạo nên sự gắn bó và cống hiến lâu dài.

Mức lương bình quân 3 năm gần nhất:

+ Mức lương bình quân năm 2023 : 13.058.161 đồng/tháng/người
+ Mức lương bình quân năm 2022 : 12.054.000 đồng/tháng/người
+ Mức lương bình quân năm 2021 : 10.908.000 đồng/tháng/người

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị Công ty đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

+ Công ty chỉ được chia lợi nhuận cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn khác sau khi chia lợi nhuận.

+ Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Trong năm 2023, Công ty chưa có kế hoạch chia cổ tức cho cổ đông.

11. Tình hình tài chính trong năm gần nhất và kỳ gần nhất

Thông tin về năm tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ Ha Lô

CTCP Công nghệ Ha Lô chọn niên độ tài chính năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm để phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trích khấu hao Tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

+ Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 30 năm
+ Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
+ Cây lâu năm	08 năm
+ Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
+ Phần mềm máy tính	03 - 05 năm

Tình hình thanh toán các khoản nợ đến hạn

Các khoản nợ đến hạn được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ. Các khoản nợ được theo dõi theo kỳ phải trả, đối tượng phải trả.

Các khoản vay nợ tài chính: Không phát sinh số dư tại thời điểm 31/12/2023.

Các khoản phải nộp theo Luật định

Các khoản phải nộp theo Luật định được Công ty thực hiện một cách nghiêm túc và theo đúng luật định. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước tại ngày kết thúc năm 2022 và năm 2023 như sau:

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
1. Thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.500.307.482	1.026.541.271
2. Thuế Thu nhập cá nhân	34.225.109	15.770.437
Tổng cộng	**4.534.532.591**	**1.042.311.708**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 của CTCP Công nghệ Ha Lô

Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập các quỹ theo:

+ Quy định của pháp luật;
+ Quy định tại Điều lệ Công ty.
+ Đề xuất của Hội đồng quản trị và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Số dư các quỹ tại thời điểm cuối năm 2022 và cuối năm 2023 của Công ty như sau: Không phát sinh số dư.

Tình hình công nợ

Tình hình công nợ của Công ty tại thời điểm cuối năm 2022 và cuối năm 2023 như sau:

Nợ phải thu:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023
I	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**19.665.156.437**	**16.092.094.043**
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	16.863.198.370	12.953.371.373
1.1	*Công ty TNHH Thực nghiệp HL-VT (Việt Nam)*	*1.922.580.000*	-
1.2	*Công ty TNHH Ngũ kim Youde Việt Nam*	*4.229.536.030*	*1.022.393.400*
1.3	*CTCP CX Teachnology (Việt Nam)*	*3.244.459.000*	-
1.4	*CTCP Công nghiệp Việt Nhất*	*15.974.630*	2.391.640
1.5	*Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Minh Chất*	*47.568.400*	185.858.000
1.6	*Công ty TNHH Hưng Nhất*	*897.588.130*	*1.260.974.680*
1.7	*CTCP Môi trường Việt Nhất*	*360.400.320*	-

FPT Securities

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023
1.8	*Công ty TNHH Quốc tế All Giory*	-	4.354.074.598
1.9	*Công ty TNHH Fullway*	-	1.416.258.260
1.10	*Khách hàng khác*	*6.145.091.860*	4.711.420.795
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.795.236.794	2.883.950.389
2.1	*Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng Đài Việt*	*1.219.680.000*	*1.219.680.000*
2.2	*CTCP Môi trường Việt Nhất*	*1.524.600.000*	*1.524.600.000*
2.3	*Nhà cung cấp khác*	*50.956.794*	139.670.389
3	Phải thu ngắn hạn khác	181.973.973	463.611.781
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-175.252.700	-208.839.500
II	**Các khoản phải thu dài hạn**	**9.000.000**	**-**
1	Phải thu dài hạn khác	9.000.000	-
	Tổng cộng	**19.674.156.437**	**16.092.094.043**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 của CTCP Công nghệ Ha Lô

Nợ phải trả:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023
I	**Nợ ngắn hạn**	**40.811.796.733**	**17.203.519.278**
1	Phải trả người bán ngắn hạn	21.532.565.574	10.981.288.769
1.1	*Công ty TNHH Triệu Nhất*	*21.076.000*	-
1.2	*Công ty TNHH Hưng Nhất*	*19.083.600*	9.266.400
1.4	*CTCP Công nghiệp Việt Nhất*	*2.440.437.480*	3.081.257.550
1.5	*Easy Good Co., Ltd*	*15.459.948.349*	5.487.900.477
1.6	*Lucky Twins Co., Ltd*	*1.397.756.325*	-
1.7	*Các khách hàng khác*	*2.194.263.820*	*2.402.864.342*

FPT Securities

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	6.406.420.830	631.612.007
2.1	*Công ty TNHH Quốc tế All Glory*	*6.035.423.320*	-
2.2	*Công ty Cổ Phần CX Technology (VN)*	*370.997.510*	*60.643.420*
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.534.532.591	1.042.311.708
4	Phải trả người lao động	2.673.590.385	2.226.528.819
5	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	2.052.406.400	-
6	Chi phí phải trả ngắn hạn	546.033.112	289.525.841
7	Phải trả ngắn hạn khác	14.238.436	13.255.436
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	3.052.009.405	2.018.996.698
II	**Nợ dài hạn**	**459.375.000**	**459.375.000**
1	Dự phòng phải trả dài hạn	459.375.000	459.375.000
	Tổng cộng	**41.271.171.733**	**17.662.894.278**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 của CTCP Công nghệ Ha Lô

Đầu tư tài chính:

Tình hình các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm cuối năm 2022 và cuối năm 2023 của Công ty chúng tôi như sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023
I	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**3.000.000.000**	**15.000.000.000**
1	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn *(Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng)*	3.000.000.000	15.000.000.000
II	Đầu tư tài chính dài hạn	-	-
	Tổng cộng	**3.000.000.000**	**15.000.000.000**

Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2023 của CTCP Công Nghệ Ha Lô

Hàng Tồn Kho

FPT Securities

Số dư Hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2022 và 31/12/2023 của Công ty như sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023
1	Nguyên liệu, vật liệu	26.956.355.525	24.584.826.031
2	Công cụ, dụng cụ	1.037.902.674	827.423.659
3	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	37.137.122.029	14.958.312.466
4	Thành phẩm	1.151.689.036	2.459.961.881
5	Hàng hóa	363.229.374	396.670.483
Tổng cộng		**66.646.298.638**	**43.227.194.520**

Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2023 của CTCP Công Nghệ Ha Lô

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,94	6,03
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,36	3,58
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	24,57%	11,79%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	32,58%	13,37%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho *(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)*	Vòng	1,61	1,57
Vòng quay tổng tài sản *(Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)*	Vòng	0,85	0,63
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	11,94	5,40

FPT Securities

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	14,05	4,20
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	10,19	3,42
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	15,03	5,64

Nguồn: CTCP Công Nghệ Ha Lô

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Trong năm 2023, chỉ số khả năng thanh toán của Công ty tăng, cụ thể hệ số thanh toán ngắn hạn đạt 6,03 lần và hệ số thanh toán nhanh đạt 3,58 lần so với cùng kỳ năm 2022 là 2,94 lần và 1,36 lần. Nguyên nhân là do nhu cầu khách hàng giảm, hàng tồn kho sản xuất kinh doanh giảm 59,72% so với năm 2022. Cùng với đó, năm 2023, chi phí nguyên vật liệu và thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả giảm nhanh hơn. Chính vì vậy, tốc độ giảm của tài sản ngắn hạn chậm hơn tốc độ giảm của nợ ngắn hạn làm các hệ số về khả năng thanh toán tăng.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hệ số Nợ trên tổng tài sản và Nợ trên vốn chủ sở hữu ghi nhận mức giảm hơn một nửa so với năm 2022, lần lượt xuống còn tại mức 11,94% và 13,55%. Nguyên nhân chủ yếu đến từ khoản phải trả nhà cung cấp nước ngoài ngắn hạn (Easy Good Co., Ltd, Lucky Twin Co.,Ltd,...) và người mua trả tiền trước ngắn hạn (Công ty TNHH Quốc tế All Glory,...) giảm mạnh, làm suy giảm 57,2% trong Nợ ngắn hạn của Công ty từ 41,27 tỷ đồng xuống còn 17,66 tỷ đồng. Nợ dài hạn không có sự thay đổi trong năm qua, Vốn chủ sở hữu cũng chỉ thay đổi nhẹ, tăng 4,28% so với 2022 do ghi nhận khoản lợi nhuận của năm 2023.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động trong năm 2023 của Công ty duy trì ổn định với Vòng quay hàng tồn kho và Vòng quay tổng tài sản đạt 1,57 vòng và 0,63 vòng. Vòng quay hàng tồn kho năm 2023 của HLO giảm nhẹ từ 1,61 vòng năm trước xuống còn 1,57 vòng cho thấy sự quản lý hàng tồn kho tốt dù thị trường đi vào chu kỳ khắc nghiệt.

Vòng quay tổng tài sản của Công ty giảm từ 0,85 vòng xuống 0,63 vòng, thể hiện hiệu quả sử dụng tài sản giảm đi. Doanh thu thuần của HLO giảm 27,8% so với năm trước do thiếu hụt đơn đặt hàng và nhiều công trình bị giảm giá. Trong khi đó, Tổng tài sản chỉ giảm 10,82% chủ yếu do khoản phải trả nhà cung cấp giảm. Vì vậy chỉ số này ghi nhận ở mức thấp hơn năm 2022.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Năm 2023, sản lượng tiêu thụ của Công ty giảm so với cùng kỳ do nền kinh tế gặp nhiều khó khăn, giảm nhu cầu của khách hàng, các loại chi phí giảm không đáng kể trong khi giá trị và sản lượng hàng bán giảm mạnh. Do đó, các hệ số về khả năng sinh lời đều chứng kiến sự suy giảm mạnh, cụ thể:

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần giảm từ mức 11,94% còn 5,40%;

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân giảm từ mức 14,05% còn 4,20%;

FPT Securities

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế trên Tổng tài sản bình quân giảm từ mức 10,19% còn 3,42%;

+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần giảm từ mức 15,03% còn 5,64%.

12. Tài sản

Tài sản cố định

Số dư Tài sản cố định tại thời điểm ngày 31/12/2023 của Công ty như sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Loại tài sản	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	%GTCL/ NG
I	**Tài sản cố định hữu hình**	**47.522.866.803**	**31.542.179.587**	**66,37%**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	19.469.432.832	15.611.853.022	80,19%
2	Máy móc thiết bị	17.177.963.329	9.805.759.854	57,08%
3	Phương tiện vận tải	6.364.688.279	4.308.365.494	67,69%
4	Dụng cụ quản lý	919.156.000	310.755.109	33,81%
5	Cây lâu năm	1.100.000.000	126.041.695	11,46%
6	Tài sản cố định khác	2.491.626.363	1.379.404.413	55,36%
II	**Tài sản cố định vô hình**	**558.050.000**	**360.539.919**	**64,61%**
1	Chương trình phần mềm	558.050.000	360.539.919	64,61%
TỔNG CỘNG		**48.080.916.803**	**31.902.719.506**	**66,35%**

Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2023 của CTCP Công Nghệ Ha Lô

Đất đai

Hiện nay, CTCP Công Nghệ Ha Lô đang quản lý 01 cơ sở đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT14836 với diện tích là 15.141 m^2 có thời hạn đến 06/05/2066, được phân loại như sau:

+ Đất nhà nước cho thuê trả tiền hằng năm là: 7.029,8 m^2. Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng được cấn trừ vào tiền thuê đất hàng năm: 1.166.496.000 đồng, tương ứng với trả trước tiền thuê hàng năm đến tháng 05/2042. Đến 06/2042, Công ty mới đóng tiền thuê đất hàng năm. Số tiền đóng hàng năm là: 44.627.423 đồng/năm.

+ Đất Nhà nước cho thuê trả tiền một lần là: 8.112 m^2.

Hiện trạng, đã xây dựng văn phòng và nhà xưởng. Loại công trình: Công trình công nghiệp, công trình cấp III với tổng diện tích: 8.592m^2 cụ thể như sau:

FPT Securities

+ Tầng 1: 8.112 m^2: dùng làm văn phòng và xưởng sản xuất;
+ Tầng 2: 480 m^2: dùng làm kí túc xá cho nhân viên.

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Năm 2024 (*)	
		Kế hoạch	% tăng giảm so với năm trước
Doanh thu thuần	100.570.451.380	120.684.541.656	20%
Lợi nhuận sau thuế	5.430.611.659	8.447.917.916	55,56%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5,40%	7%	29,63%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	4,11%	6,01%	46,21%
Tỷ lệ cổ tức	-	-	-

Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2023 của CTCP Công nghệ Ha Lô và Kế hoạch năm 2024 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận nêu trên:

Để có thể hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch của năm 2024, Công ty đề ra một số biện pháp thực hiện chủ yếu như sau:

Về bộ máy tổ chức:

+ Hoàn thiện bộ máy tổ chức, sắp xếp bố trí lao động, cán bộ quản lý phù hợp hơn.
+ Sắp xếp lại các bộ phận gián tiếp khoa học và hợp lý hơn.
+ Tập huấn kiến thức quản lý hiện đại, bồi dưỡng năng lực chuyên môn nghiệp vụ.

Đối với hoạt động kinh doanh:

+ Tận dụng những lợi thế và nguồn lực hiện có của Công ty; đồng thời, nâng cao chất lượng sản phẩm cũng như dịch vụ khách hàng.
+ Tập trung tìm kiếm mở rộng thị trường sang các tỉnh lân cận.
+ Tiếp tục áp dụng các chính sách ưu đãi, thu hút khách hàng, đồng thời xem xét hỗ trợ khách hàng theo điều kiện thực tế; xây dựng các kế hoạch tiếp thị, giải pháp kinh doanh để nâng cao hiệu quả các mảng kinh doanh.
+ Dự báo, đánh giá tình hình thị trường, kết quả thực hiện thường xuyên, định kỳ để có biện pháp ứng phó thích hợp với những biến động có thể xảy ra, giảm thiểu rủi ro đến hoạt động của Công ty.

+ Kiểm soát chi phí, xem xét đầu tư theo nhu cầu thực tế trên cơ sở đảm bảo hiệu quả đầu tư cũng như chuẩn bị tốt khi điều kiện thị trường thuận lợi.

+ Hiện nay, Công ty đã ký kết và đang thực hiện 11 hợp đồng với tổng giá trị gần 28 tỷ đồng, mang lại tỷ suất sinh lợi cao như: Lắp đặt đường ống cấp thoát nước cho các nhà máy xi mạ, lắp đặt hệ thống xử lý khí thải khói dầu, lắp đặt đường ống cho máy mạ mẫu mới, máy mài, dây chuyền tẩy gỉ inox (dạng quay),... Công ty đang đàm phán, dự kiến ký mới 6 hợp đồng với tổng giá trị khoảng 14 tỷ đồng. Ngoài ra, Công ty đã ký hợp đồng nguyên tắc cung cấp hoá chất, móc treo thiết bị cho một số khách hàng lâu năm.

+ Đến hết Quý I/2024, Doanh thu của Công ty ghi nhận 29,16 tỷ đồng, tăng 78,76% so với cùng kỳ năm trước và đạt 24,17% kế hoạch năm 2024. Lợi nhuận sau thuế Quý I/2024 ghi nhận 5,08 tỷ đồng, tăng 2,66 lần so với cùng kỳ và đạt 60,09% kế hoạch năm 2024.

Đối với hoạt động nghiên cứu:

+ Tích cực nghiên cứu các sản phẩm mới để đáp ứng kịp tốc độ phát triển về khoa học và kỹ thuật hiện nay.

+ Tích cực quan tâm nghiên cứu các sản phẩm hướng tới việc bảo vệ môi trường (là một trong các vấn đề cấp bách nhất của Việt Nam nói riêng và Thế giới nói chung).

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng

Hiện tại, Công ty không có những cam kết nhưng chưa thực hiện.

15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

+ Phát triển công ty trở thành doanh nghiệp lớn mạnh ở Việt Nam trong lĩnh vực cung cấp hệ thống dây chuyền, phụ kiện, thiết bị xi mạ và dịch vụ khác phục vụ ngành xi mạ, mục tiêu trở thành công ty cổ phần đại chúng, niêm yết trên sàn chứng khoán.

+ Xây dựng đội ngũ công nhân viên chuyên nghiệp, tận tình trong công tác chăm sóc khách hàng, đội ngũ lao động lành nghề đáp ứng yêu cầu công việc.

Về trung hạn:

+ Tập trung xây dựng đội ngũ chuyên viên tay nghề cao; Nâng cao kỹ năng và tay nghề của các nhân viên lâu năm và định hướng rõ ràng cho người lao động để giữ chân các lao động giỏi.

+ Nghiên cứu các công nghệ mới nhằm giảm chi phí sản xuất, giảm thiểu chất thải ra môi trường.

Về dài hạn:

+ Tiếp tục tập trung đầu tư vào nghiên cứu công nghệ và các sản phẩm mới nhằm đáp ứng kịp nhu cầu phát triển của công nghệ hiện nay và yêu cầu ngày càng khắt khe về chất lượng cũng như mẫu mã của khách hàng.

+ Cân đối vốn và nguồn vốn trong từng giai đoạn, cân nhắc kỹ hiệu quả để có quyết định đầu tư vừa sức, không thực hiện đầu tư dàn trải vượt quá khả năng cân đối tài chính của Công ty.

16. Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty

Không có

III. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Hội đồng quản trị

- **Cơ cấu Hội đồng quản trị**

STT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1	Lin Fu Lung	Chủ tịch	Không điều hành
2	Kỷ Minh Du	Thành viên	Điều hành
3	Hà Lệ Phương	Thành viên	Điều hành
4	Tôn Nữ Bảo Vy	Thành viên	Không điều hành
5	Lee, Chien-Ta	Thành viên	Không điều hành
6	Nguyễn Thành Lanh	Thành viên	Không điều hành
7	Chi Tsui Ling	Thành Viên	Không điều hành
8	Chao Leng Tso	Thành Viên	Không điều hành
9	Chi, Wei-Shiu	Thành viên	Không điều hành

CTCP Công nghệ Ha Lô có tối thiểu 1/3 số lượng thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành, đáp ứng yêu cầu đối với Công ty đại chúng phải có cơ cấu Hội đồng quản trị đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và thành viên không điều hành theo Quy định.

- **Các tiểu ban của HĐQT:** *Công ty chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT.*
- **Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị**

1.1 Ông LIN FU LUNG – Chủ tịch HĐQT

a. Số hộ chiếu (Passport) : 352553445
b. Giới tính : Nam
c. Năm sinh : 24/06/1967
d. Nơi sinh : Chương Hóa - Đài Loan (Trung Quốc)
e. Quốc tịch : Đài Loan (Trung Quốc)
f. Dân tộc : Đài Loan (Trung Quốc)
g. Quê quán : Chương Hóa - Đài Loan
h. Địa chỉ thường trú : Đài Loan (Trung Quốc)

FPT Securities

i. Trình độ văn hóa : Trung học phổ thông

j. Trình độ chuyên môn : Cao đẳng Điện tử (Xử lý mạch điện tử)

k. Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi công tác
Từ 1984 đến 1987	Nhân viên kỹ thuật xi mạ tại HSUE HI ENTERPRISE CO.LTD (Đài Loan)
Từ 1987 đến 1990	Lính không quân tại Đài Loan
Từ 1990 đến 2004	Xưởng trưởng HSUE HI ENTERPRISE CO.LTD (Đài Loan)
Từ 2004 đến 2006	Tổng Giám đốc HSUE HI ENTERPRISE CO.LTD (Đài Loan)
Từ 2006 đến nay	Tổng Giám đốc điều hành công ty Công ty TNHH Hưng Nhất
Từ 04/2021 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Công nghệ Ha Lô

l. Chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Công nghệ Ha Lô: Thành viên Hội đồng quản trị

m. Chức vụ tại tổ chức khác: Tổng Giám Đốc Công Ty TNHH Hưng Nhất

n. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

o. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

p. Số cổ phiếu nắm giữ (đến 22/03/2024): 0 cổ phần – tỷ lệ: 0%

- Cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần – tỷ lệ: 0%
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần – tỷ lệ: 0%

q. Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (đến 22/03/2024): 1.000.000 cổ phần – tỷ lệ: 12,5%, trong đó:

- Vợ: Tsai Ya Hui: 1.000.000 cổ phần – tỷ lệ: 12,5%

1.2 Ông CHI WEI SHIU – Thành viên HĐQT

a. Số hộ chiếu (Passport) : 361190516

b. Giới tính : Nam

c. Năm sinh : 1992

d. Nơi sinh : Đài Loan (Trung Quốc)

e. Quốc tịch : Trung Quốc

f. Dân tộc : Hoa

g. Quê quán : Trung Quốc

h. Địa chỉ thường trú : Nhà A38, Đường R10, The Oasis 1, Khu dân cư Việt

FPT Securities

Sing, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

i. Trình độ văn hóa : 12/12

j. Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

k. Quá trình công tác :

Thời gian	Nơi công tác
Từ 04/2015 đến 09/2020	Nghiên cứu hóa chất tại phòng thí nghiệm, Xử lý sự cố về sản phẩm dầu công nghiệp, Kỹ thuật đi công trình tại CTCP Công nghiệp Việt Nhất
Từ 10/2020 đến nay	Nhân viên phòng kinh doanh tại CTCP Công nghệ Ha Lô
Từ 06/2020 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Công nghệ Ha Lô

l. Chức vụ công tác hiện nay CTCP Công nghệ Ha Lô: Thành viên Hội đồng quản trị

m. Chức vụ tại tổ chức khác: Không

n. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

o. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

p. Số cổ phiếu nắm giữ (đến 22/03/2024): 620.000 cổ phần – tỷ lệ: 7,75%

- Cá nhân nắm giữ: 620.000 cổ phần – tỷ lệ: 7,75%
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần – tỷ lệ: 0%

q. Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (đến 22/03/2024): 728.250 cổ phần – tỷ lệ: 9,10%, trong đó:

- Bố: Chao Leng Tso: 400.000 cổ phần – tỷ lệ: 5%
- Mẹ: Chi Tsui Ling: 328.200 cổ phần – tỷ lệ: 4,10%
- Vợ: Nguyễn Thị Mỹ Hạnh: 50 cổ phiếu – tỷ lệ: 0,000625%

1.3 Bà HÀ LỆ PHƯƠNG – Thành viên HĐQT

a. Căn cước công dân : 074159002257

b. Giới tính : Nữ

c. Năm sinh : 1959

d. Nơi sinh : Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

e. Quốc tịch : Việt Nam

f. Dân tộc : Hoa

g. Quê quán : Quảng Đông

FPT Securities

h. Địa chỉ thường trú : D57, Khu phố Bình Đứa 1, Phường Lái Thiêu, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

i. Trình độ văn hóa : 10/10

j. Trình độ chuyên môn : Không

k. Quá trình công tác:

Thời gian	**Nơi công tác**
Từ 1980 đến 1993	Kinh doanh tự do trong lĩnh vực gốm sứ
Từ 1994 đến 1999	Giáo viên tiếng Trung tại trường tiểu học Tân Dân
Từ 2000 đến 2006	Giám đốc Công ty TNHH Việt Nhất
Từ 2007 đến nay	Giám đốc CTCP Công Nghiệp Việt Nhất
Từ 10/2014 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Công nghệ Ha Lô

l. Chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Công nghệ Ha Lô: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

m. Chức vụ tại tổ chức khác: Giám đốc CTCP Công nghiệp Việt Nhất

n. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

o. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

p. Số cổ phiếu nắm giữ (đến 22/03/2024): 238.010 cổ phần – tỷ lệ: 2,98%

- Cá nhân nắm giữ: 238.010 cổ phần – tỷ lệ: 2,98%
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần – tỷ lệ: 0%

q. Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (đến 22/03/2024): 200 cổ phần – tỷ lệ: 0,0025%, trong đó:

- Em: Hà Tịnh Nhi: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625%
- Em: Hà Trọng Cảnh: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625%
- Em: Hà Trọng An: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625%
- Em: Hà Trọng Thiêm: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625%

1.4 Bà TÔN NỮ BẢO VY – Thành viên HĐQT

a. Căn cước công dân : 079174034159

b. Giới tính : Nữ

c. Năm sinh : 1974

d. Nơi sinh : TP. Hồ Chí Minh

e. Quốc tịch : Việt Nam

f. Dân tộc : Kinh

g. Quê quán : Thừa Thiên Huế

h. Địa chỉ thường trú : Số 9, đường số 2, cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

i. Trình độ văn hóa : 12/12

j. Trình độ chuyên môn : Không có

k. Quá trình công tác:

Thời gian	**Nơi công tác**
Từ 1995 đến 2004	Làm kinh doanh tự do lĩnh vực Bất động sản
Từ 2005 đến 2007	Phó Giám đốc Công ty TNHH Việt Nhất 3
Từ 2007 đến nay	Phó Giám đốc CTCP Xây Dựng Việt Nhất
Từ 2014 đến 06/2016	Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Công nghệ Ha Lô
Từ 01/2018 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Công nghệ Ha Lô

l. Chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Công nghệ Ha Lô: Thành viên Hội đồng quản trị

m. Chức vụ tại tổ chức khác: Phó Giám đốc CTCP Xây dựng Việt Nhất

n. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

o. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

p. Số cổ phiếu nắm giữ (đến 22/03/2024): 800.000 cổ phần – tỷ lệ: 10%

- Cá nhân nắm giữ: 800.000 cổ phần – tỷ lệ: 10%
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần – tỷ lệ: 0%.

q. Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (đến 22/03/2024): 3.567.440 cổ phần – tỷ lệ: 44,59%, trong đó:

- Chồng: Kỷ Minh Du: 3.567.190 cổ phần – tỷ lệ: 44,59%
- Em trai: Tôn Thất Duy Nguyên: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625%
- Mẹ : Trần Thị Mạnh Kha : 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625%
- Em gái: Tôn Nữ Thảo Nguyên: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625%
- Cha: Tôn Thất Sơn : 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625%
- Em gái: Tôn Nữ Bảo Uyên: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625%

1.5 Ông NGUYỄN THÀNH LANH – Thành viên HĐQT

a. Căn cước công dân : 074085006934

b. Giới tính : Nam

c. Năm sinh : 02/07/1985

d. Nơi sinh : Phường Uyên Hưng, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

e. Quốc tịch : Việt Nam.

f. Dân tộc : Kinh

g. Quê quán : Phường Uyên Hưng, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

h. Địa chỉ thường trú : Phường Uyên Hưng, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

i. Trình độ văn hóa : Trung học phổ thông

j. Trình độ chuyên môn: Không có

k. Quá trình công tác:

Thời gian	**Nơi công tác**
Từ 2005 đến 2011	Nhân viên tại Công ty TNHH Việt Nhất
Từ 2012 đến 06/2016	Giám đốc Công ty TNHH Chính Nhất
Từ 07/2016 đến nay	Xưởng trưởng CTCP Công nghệ Ha Lô
Từ 04/2021 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Công nghệ Ha Lô

l. Chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Công nghệ Ha Lô: Thành viên Hội đồng quản trị

m. Chức vụ tại tổ chức khác: Không

n. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

o. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

p. Số cổ phiếu nắm giữ (đến 22/03/2024): 70.190 cổ phần – tỷ lệ: 0,88%

- Cá nhân nắm giữ: 70.190 cổ phần – tỷ lệ: 0,88%

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần – tỷ lệ: 0%.

q. Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (đến 22/03/2024): 8.060 cổ phần – tỷ lệ: 0,1%, trong đó:

- Vợ Lương Tiểu Bình: 8.010 cổ phần – tỷ lệ: 0,1%
- Anh: Nguyễn Thành Lực: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625%

1.6 Bà CHI TSUI LING – Thành viên HĐQT

a. Chứng minh nhân dân : 353404247

b. Giới tính : Nữ

c. Năm sinh : 16/07/1964

d. Nơi sinh : Chương Hóa – Đài Loan

e. Quốc tịch : Đài Loan – Trung Quốc

f. Dân tộc : Đài Loan (Trung Quốc)

g. Quê quán : Chương Hóa, Đài Loan

h. Địa chỉ thường trú : 13F., No.738, Sec. 7, New Taipei Blvd., Xinzhuang Dist., New Taipei City 242, Taiwan (R.O.C.)

i. Trình độ văn hóa : Trung học phổ thông

j. Trình độ chuyên môn : Không có

k. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác
Từ 1982 đến 1992	Làm việc tai Công ty Thương mại One Plus One-Taiwan
Từ 1992 đến 2004	Làm việc tại Công ty TNHH Yijun -Taiwan
Từ 2004 đến 2010	Làm quản lý tại Công ty Yeu Yen-Taiwan
Từ 2010 đến 03/2021	Quản đốc tại CTCP Công Nghiệp Việt Nhất
Từ 04/2021 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Công nghệ Ha Lô

l. Chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Công nghệ Ha Lô: Thành viên Hội đồng quản trị

m. Chức vụ tại tổ chức khác: Quản đốc CTCP Công nghiệp Việt Nhất

n. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

o. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

p. Số cổ phiếu nắm giữ (đến 22/03/2024): 328.200 cổ phần – tỷ lệ: 4,1%

- Cá nhân nắm giữ: 328.200 cổ phần – tỷ lệ: 4,1%
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần – tỷ lệ: 0%

q. Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (đến 22/03/2024): 5.357.240 cổ phiếu – tỷ lệ: 66,97%, trong đó:

- Chồng: Chao Leng Tso: 400.000 cổ phiếu – tỷ lệ: 5%
- Em Trai: Kỷ Minh Du: 3.537.190 cổ phiếu – tỷ lệ: 44,21%
- Con: Chi Wei Shiu: 620.000 cổ phiếu – tỷ lệ: 7,75%
- Con dâu: Nguyễn Thị Mỹ Hạnh: 50 cổ phiếu – tỷ lệ: 0,000625%
- Em dâu: Tôn Nữ Bảo Vy: 800.000 cổ phiếu – tỷ lệ: 10%

1.7 Ông CHAO LENG TSO – Thành viên HĐQT

a. Hộ chiếu số : 308212411
b. Giới tính : Nam
c. Năm sinh : 06/08/1954
d. Nơi sinh : Tân Bắc, Đài Loan
e. Quốc tịch : Đài Loan (Trung Quốc)
f. Dân tộc : Đài Loan (Trung Quốc)
g. Quê quán : Tân Bắc, Đài Loan
h. Địa chỉ thường trú : 13F., No.738, Sec. 7, New Taipei Blvd., Xinzhuang Dist., New Taipei City 242, Taiwan (R.O.C.)
i. Trình độ văn hóa : Trung học phổ thông
j. Trình độ chuyên môn : Không có
k. Quá trình công tác:

Thời gian	**Nơi công tác**
Từ 1979 đến 2010	Làm việc ở Mitsubishi Electric – Taiwan, các hãng liên quan
Từ 2010 đến 2013	Làm quản lý tại Công ty Yeu Yen-Taiwan
Từ 2013 đến 04/2021	Giám Đốc nghiệp vụ Công ty TNHH Triệu Nhất
Từ 04/2021 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Công nghệ Ha Lô

l. Chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Công nghệ Ha Lô: Thành viên Hội đồng quản trị
m. Chức vụ tại tổ chức khác: Giám Đốc nghiệp vụ Công ty TNHH Triệu Nhất
n. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
o. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
p. Số cổ phiếu nắm giữ (đến 22/03/2024): 400.000 cổ phần chiếm – tỷ lệ: 5%
- Cá nhân nắm giữ: 400.000 cổ phần – tỷ lệ: 5%
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần – tỷ lệ: 0%

q. Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (đến 22/03/2024): 1.748.250 cổ phiếu – tỷ lệ: 21,85%, trong đó:
- Vợ: Chi Tsui Ling: 328.200 cổ phiếu – tỷ lệ: 4,1%
- Con: Chi Wei Shiu: 620.000 cổ phiếu – tỷ lệ: 7,75%
- Con dâu: Nguyễn Thị Mỹ Hạnh: 50 cổ phiếu – tỷ lệ: 0,000625%
- Em Dâu: Tôn Nữ Bảo Vy: 800.000 cổ phiếu – tỷ lệ: 10%

1.8 Ông KỶ MINH DU – Thành viên HĐQT

a. Chứng minh nhân dân : 079070014978
b. Giới tính : Nam
c. Năm sinh : 1970
d. Nơi sinh : TP. Hồ Chí Minh
e. Quốc tịch : Việt Nam
f. Dân tộc : Hoa
g. Quê quán : Trung Quốc
h. Địa chỉ thường trú : 211/24 Phan Anh, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
i. Trình độ văn hóa : 12/12
j. Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế - Cử nhân Luật.
k. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác
Từ 1995 đến 2001	Sang Việt Nam học tiếng Việt và tìm hiểu thị trường Việt Nam
Từ 2002 đến 2004	Nhân viên tại DNTN Việt Nhất
Từ 2005 đến 05/2006	Nhân viên tại Công ty TNHH Việt Nhất 3
Từ 06/2006 đến 12/2012	Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Việt Nhất 3
Từ 09/2018 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Công nghiệp Việt Nhất
Từ 10/2007 đến 05/2013	Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Xây dựng Việt Nhất
Từ 06/2013 đến nay	Tổng Giám đốc CTCP Xây dựng Việt Nhất
Từ 05/2016 đến nay	Tổng Giám đốc CTCP Công nghệ Ha Lô
Từ 06/2016 đến 04/2021	Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Công nghệ Ha lô
Từ 04/2021 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Công nghệ Ha lô

l. Chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Công nghệ Ha Lô: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
m. Chức vụ tại tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Công nghiệp Việt Nhất
n. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
o. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

FPT Securities

p. Số cổ phiếu nắm giữ (đến 22/03/2024): 3.567.190 cổ phần – tỷ lệ: 44,59%

- Cá nhân nắm giữ: 3.567.190 cổ phần – tỷ lệ: 44,59%
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần – tỷ lệ: 0%

q. Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (đến 22/03/2024): 1.528.200 cổ phiếu – tỷ lệ: 19,10%, trong đó:

- Vợ: Tôn Nữ Bảo Vy: 800.000 cổ phiếu – tỷ lệ: 10%
- Chị gái: Chi Tsui Ling: 328.200 cổ phiếu – tỷ lệ: 4,1%
- Anh rể: Chao Leng Tso: 400.000 cổ phiếu – tỷ lệ: 5%

1.9 Ông LEE CHIEN TA – Thành viên HĐQT

a. Passport : 351 062 388

b. Giới tính : Nam

c. Năm sinh : 1971

d. Nơi sinh : Đài Bắc

e. Quốc tịch : Đài Loan

f. Dân tộc : Hán

g. Quê quán : Đài Bắc

h. Địa chỉ thường trú : No.5, Alley4, Lane 297, Chu-LinRoad, Linkou, Taipei, County 244, Taiwan

i. Trình độ văn hóa : 12/12

j. Trình độ chuyên môn : Đại học – Quản lý công nghiệp

k. Quá trình công tác:

Thời gian	**Nơi công tác**
Từ 1991 đến 2001	Làm kỹ thuật và Quản lý kinh doanh tại Compact Fastener Industrial Co.,ltd
Từ 2002 đến 06/2019	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Công Nghiệp Kiến Đạt
Từ 01/2018 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Công nghệ Ha Lô
Từ 06/2019 đến nay	Cố vấn Công ty TNHH Công Nghiệp Kiến Đạt

l. Chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Công nghệ Ha Lô: Thành viên Hội đồng quản trị

m. Chức vụ tại tổ chức khác: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Công Nghiệp Kiến Đạt

n. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

o. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

p. Số cổ phiếu nắm giữ (đến 22/03/2024): 800.000 cổ phần – tỷ lệ: 10%

- Cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần – tỷ lệ: 0%
- Đại diện sở hữu: 800.000 cổ phần – tỷ lệ: 10%

q. Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (đến 22/03/2024): 0 cổ phần

2. Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1	Lê Thị Lan Anh	Trưởng ban	Thành viên chuyên trách/kiêm nhiệm
2	Huỳnh Thị Phương Nam	Thành viên	
3	Nguyễn Thị Ngọc Em	Thành viên	

2.1 Bà LÊ THỊ LAN ANH – Trưởng Ban kiểm soát

a. Căn cước công dân : 038186049148

b. Giới tính : Nữ

c. Năm sinh : 1986

d. Nơi sinh : Thanh Hóa

e. Quốc tịch : Việt Nam

f. Dân tộc : Kinh

g. Quê quán : Thanh Hóa

h. Địa chỉ thường trú : Đội 8, Xã Đông Hòa, Huyện Đông Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

i. Trình độ văn hóa :12/12

j. Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán

k. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác
Từ 2010 đến 05/2015	Kế toán tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ & Kỹ Thuật S.G.C – TP.HCM
Từ 05/2015 đến nay	Kế toán tại CTCP Công Nghiệp Việt Nhất – T.Bình Dương
Từ 10/2018 đến nay	Trưởng Ban kiểm soát CTCP Công nghệ Ha Lô

l. Chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Công nghệ Ha Lô: Trưởng Ban kiểm soát

m. Chức vụ tại tổ chức khác: Kế toán tại CTCP Công Nghiệp Việt Nhất

FPT Securities

n. Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

o. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

p. Số cổ phiếu nắm giữ (đến 22/03/2024): 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625%

- Cá nhân nắm giữ: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625%

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần – tỷ lệ: 0%

q. Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (đến 22/03/2024): 0 cổ phần

2.2 Bà NGUYỄN THỊ NGỌC EM – Kiểm soát viên

a. Căn cước công dân : 083187009864

b. Giới tính : Nữ

c. Năm sinh : 1987

d. Nơi sinh : Huyện Mỏ Cày Nam, Tỉnh Bến Tre

e. Quốc tịch : Việt Nam

f. Dân tộc : Kinh

g. Quê quán : Xã Định Thủy, Huyện Mỏ Cày Nam, Tỉnh Bến Tre

h. Địa chỉ thường trú : Ấp Định Nhơn, Xã Định Thủy, Huyện Mỏ Cày Nam, Tỉnh Bến Tre

i. Trình độ văn hóa : 12/12

j. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

k. Quá trình công tác:

Thời gian	**Nơi công tác**
Từ 2007 đến 2009	Làm việc tại Công ty Thiết bị Nha khoa Đại Đỉnh
Từ 01/2010 đến 06/2010	Làm việc tại Công ty Pouyuen
Từ 07/2010 đến nay	Kế toán viên tại CTCP Công nghiệp Việt Nhất
Từ 10/2018 đến nay	Kiểm soát viên CTCP Công nghệ Ha Lô

l. Chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Công nghệ Ha Lô: Kiểm soát viên

m. Chức vụ tại tổ chức khác: Kế toán tại CTCP Công nghiệp Việt Nhất

n. Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

o. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

p. Số cổ phiếu nắm giữ (đến 22/03/2024): 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625%

- Cá nhân nắm giữ: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625%

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần – tỷ lệ: 0%

q. Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (đến 22/03/2024): 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625%, trong đó:

- Chị Nguyễn Thị Bích Vân: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625%

2.3 Bà HUỲNH THỊ PHƯƠNG NAM – Kiểm soát viên

a. Căn cước công dân : 068178000222

b. Giới tính : Nữ

c. Năm sinh : 22/04/1978

d. Nơi sinh : B23.04, 179 Xa Lộ Hà Nội, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

e. Quốc tịch : Việt Nam

f. Dân tộc : Kinh

g. Quê quán : Quảng Ngãi

h. Địa chỉ thường trú : B23.04, 179 Xa Lộ Hà Nội, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chi Minh

i. Trình độ văn hóa : 12/12

j. Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

k. Quá trình công tác:

Thời gian	**Nơi công tác**
Từ 2001 đến 2008	Kỹ sư hóa tại Công ty TNHH Việt Nhất
Từ 2009 đến 2011	Trưởng phòng kinh doanh Công ty TNHH Surtec Việt Nam
Từ 01/2012 đến 12/20212	Trưởng phòng kinh doanh Công ty TNHH CNC Sài Gòn
Từ 01/2013 đến nay	Quản lý - Công ty TNHH Hóa Chất Nam Phương
Từ 10/2018 đến nay	Kiểm soát viên CTCP Công nghệ Ha Lô

l. Chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Công nghệ Ha Lô: Kiểm soát viên

m. Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

n. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

o. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

p. Số cổ phiếu nắm giữ (đến 22/03/2024): 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625%

- Cá nhân nắm giữ: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625%

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần – tỷ lệ: 0%

q. Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (đến 22/03/2024): 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625% trong đó:

- Chồng Nguyễn Duy Thiện: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625%

3. Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

STT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1	Kỷ Minh Du	Tổng Giám đốc	
2	Hà Lệ Phương	Phó Tổng Giám đốc	
3	Chang Chia Lin	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh	
4	Zhang Jian Jun	Phó Tổng Giám đốc	
5	Lê Thị Hồng Thắm	Kế toán trưởng	

3.1. Ông KỶ MINH DU – Tổng Giám Đốc

(Xem phần hội đồng quản trị)

3.2. Bà HÀ LỆ PHƯƠNG – Phó Tổng Giám đốc

(Xem phần hội đồng quản trị)

3.3. Ông CHANG CHIA LIN – Phó Tổng Giám đốc

a. Hộ chiếu số : 312860430
b. Giới tính : Nam
c. Năm sinh : 06/06/1978
d. Nơi sinh : Đài Loan
e. Quốc tịch : Đài Loan (Trung Quốc)
f. Dân tộc : Hán
g. Quê quán : Đài Loan
h. Địa chỉ thường trú : Việt Nam
i. Trình độ văn hóa : 12/12
j. Trình độ chuyên môn : Không có
k. Quá trình công tác:

FPT Securities

Thời gian	Nơi công tác
Từ 1999 đến 2007	Quản lý sản xuất Công ty Danh Tường
Từ 2007 đến 06/2009	Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty Đài Triển
Từ 07/2009 đến 06/2017	Giám đốc sản xuất tại Công ty TNHH Hưng Nhất
Từ 06/2017 đến nay	Làm việc tại bộ phận kinh doanh CTCP Công nghệ Ha Lô
Từ 07/2021 đến nay	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh CTCP Công nghệ Ha Lô

l. Chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Công nghệ Ha Lô: Phó Tổng Giám đốc kinh doanh

m. Chức vụ tại tổ chức khác: Không

n. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

o. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

p. Số cổ phiếu nắm giữ (đến 22/03/2024): 0 cổ phần – tỷ lệ: 0%

q. Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (đến 22/03/2024): 0 cổ phiếu – tỷ lệ: 0%

3.4. Ông ZHANG JIAN JUN – Phó Tổng Giám đốc

a. Hộ chiếu số : EF6906365

b. Giới tính : Nam

c. Năm sinh : 19/05/1973

d. Nơi sinh : Thôn Trung Tâm, Thị Trấn Hoàng Đình, Huyện Thiệu Dương, Tỉnh Hồ Nam

e. Quốc tịch : Trung Quốc

f. Dân tộc : Hán

g. Quê quán : Trung Quốc

h. Địa chỉ thường trú : 302 Khu B, Huyện Thiệu Dương, Tỉnh Hồ Nam

i. Trình độ văn hóa : 12/12

j. Trình độ chuyên môn : Đại học - Chuyên ngành kỹ thuật cơ điện

k. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác
Từ 07/1992 đến 12/1995	Học chuyên ngành kỹ thuật cơ điện tại Đại học Công nghệ Thiệu Dương
Từ 08/1995 đến 03/1996	Công việc phay/tiện tại Xưởng dụng cụ ăn, Thành Phố Nam Hải,

FPT Securities

Thời gian	Nơi công tác
	Tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc
Từ 05/1996 đến 04/2003	Trưởng phòng cơ khí (sửa chữa, láp ráp, chế tạo thiết bị dùng cho xưởng xi mạ) làm việc tại Công ty hữu hạn nguyên vật liệu xi mạ Thiên Thành, Thành Phố Đông Quan, Tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc
Từ 05/2003 đến 09/2014	Tổng Giám đốc tại Công ty Thiết bị Cơ khí Liên Hưng Thành Phố Đông Quan, Thiết bị xử lý bề mặt kim loại, mua bán, sản xuất,
Từ 10/2014 đến 03/2018	Tổng Giám đốc tại Công ty Thiết Bị Cơ Khí Dụ Hân, Thành Phố Đông Quan, Trung Quốc
Từ 04/2019 đến nay	Làm việc tại CTCP Công nghệ Ha Lô
Từ 07/2021 đến nay	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh CTCP Công nghệ Ha Lô

l. Chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Công nghệ Ha Lô: Phó Tổng Giám đốc kinh doanh

m. Chức vụ tại tổ chức khác: Không

n. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

o. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

p. Số cổ phiếu nắm giữ (đến 22/03/2024): 0 cổ phần – tỷ lệ: 0%

q. Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (đến 22/03/2024): 0 cổ phiếu – tỷ lệ: 0%

3.5. Bà LÊ THỊ HỒNG THẮM – Kế toán trưởng

a. Căn cước công dân số : 082179014842

b. Giới tính : Nữ

c. Năm sinh : 1979

d. Nơi sinh : Tiền Giang

e. Quốc tịch : Việt Nam

f. Dân tộc : Kinh

g. Quê quán : Tiền Giang

h. Địa chỉ thường trú : 83/29 Lê Lợi, Phường 4, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

i. Trình độ văn hóa : 12/12

j. Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

k. Quá trình công tác:

FPT Securities

Thời gian	Nơi công tác
Từ 01/2003 đến 07/2004	Nhân viên kế toán Công ty TNHH Xây Dựng Miền Nam
Từ 09/2004 đến 12/2007	Nhân viên kế toán Công ty TNHH Việt Nhất - Tân Phú
Từ 01/2008 đến 04/2009	Kế toán trưởng Công ty TNHH Việt Nhất - Tân Phú
Từ 05/2009 đến 03/2013	Kế toán trưởng Công ty TNHH Surtec Việt Nam
Từ 06/2013 đến 10/2015	Kế toán trưởng Công ty TNHH CNC Sài Gòn
Từ 01/2016 đến nay	Kế toán trưởng CTCP Xây Dựng Việt Nhất
Từ 10/2014 đến 09/2023	Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Công Nghệ Ha Lô
Từ 01/2016 đến nay	Kế toán trưởng CTCP Công nghệ Ha Lô

l. Chức vụ công tác hiện nay tại CTCP Công nghệ Ha Lô: Kế toán trưởng

m. Chức vụ tại tổ chức khác: Kế toán trưởng CTCP Xây Dựng Việt Nhất

n. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

o. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

p. Số cổ phiếu nắm giữ (đến 22/03/2024): 80.000 cổ phần – tỷ lệ: 1%

- Cá nhân nắm giữ: 80.000 cổ phần – tỷ lệ: 1%
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần – tỷ lệ: 0%

q. Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (đến 22/03/2024): 200 cổ phần – tỷ lệ: 0,0025%, trong đó:

- Em gái: Lê Thị Thúy Liên: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625%
- Chồng: Nguyễn Xuân Phú: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625%
- Chị gái: Lê Thị Thanh Hồng: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625%
- Em trai: Lê Chí Tâm: 50 cổ phần – tỷ lệ: 0,000625%

4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Sau khi đăng ký giao dịch cổ phiếu, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện các công việc để hoàn thiện Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, các quy trình công bố thông tin,... để tuân thủ các quy định về quản trị công ty theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020. Những công việc chính gồm có:

+ Rà soát và chỉnh sửa Điều lệ Công ty để phù hợp với Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng.

FPT Securities

+ Xây dựng, hoàn thiện và áp dụng quy chế nội bộ về quản trị công ty.
+ Xây dựng và hoàn thiện quy trình về công bố thông tin để tuân thủ các quy định về công bố thông tin của công ty đại chúng.
+ Tăng cường chỉnh sửa bổ sung các quy trình và tiêu chí để đánh giá hoạt động của HĐQT để từ đó xem xét hiệu quả hoạt động của HĐQT và có điều chỉnh phù hợp.

5. Danh sách người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán *(nếu có)*	Chức vụ tại Công ty *(nếu có)*	Số cổ phiếu sở hữu tại 22/03/2024	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại 22/03/2024	Mối quan hệ với người nội bộ
I	**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**					
1	**Ông Lin Fu Lung**	**Không có**	**Chủ tịch HĐQT**	-	-	-
1.1	Hsu Hsiu Lan	Không có	-	-	-	Mẹ
1.2	Tsai Yu Zhen	Không có	-	-	-	Bố vợ
1.3	Hong Yi	Không có	-	-	-	Mẹ vợ
1.4	Lin Kung I	Không có	-	-	-	Con
1.5	Lin Wang Hsien	Không có	-	-	-	Con
1.6	Lin Chien Yu	Không có	-	-	-	Con
1.7	Công ty TNHH Hưng Nhất	Không có	-	-	-	Tổ chức liên quan
1.8	Gold Ease Enterprise Corp.	Không có	-	-	-	Tổ chức liên quan
2	**Ông Kỷ Minh Du**	**004CA06338**	**Thành viên HĐQT**	**3.567.190**	**44,59%**	
2.1	Chi Tsui Ling	Không có	-	328.200	4,10%	Chị
2.2	Chi Su Hui	Không có	-	-	-	Chị

FPT Securities

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán *(nếu có)*	Chức vụ tại Công ty *(nếu có)*	Số cổ phiếu sở hữu tại 22/03/2024	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại 22/03/2024	Mối quan hệ với người nội bộ
2.3	Chao Leng Tso	Không có	-	400.000	5,00%	Anh rể
2.4	Tôn Thất Sơn	Không có	-	50	0,000625%	Bố vợ
2.5	Trần Thị Mạnh Kha	Không có	-	50	0,000625%	Mẹ vợ
2.6	Tôn Nữ Bảo Vy	006C000169	Thành viên HĐQT	800.000	10,00%	Vợ
2.7	CTCP Công Nghiệp Việt Nhất	Không có	-	-	-	Tổ chức liên quan
2.8	CTCP Tư vấn Việt Nhất	Không có	-	-	-	Tổ chức liên quan
2.9	Công ty TNHH Haola	Không có	-	-	-	Tổ chức liên quan
2.10	Công Ty TNHH Dầu Nhớt Nhất Minh	Không có	-	-	-	Tổ chức liên quan
2.11	Công ty TNHH Kỹ Thuật và Xây dựng Đài Việt	Không có	-	-	-	Tổ chức liên quan
2.12	CTCP Xây dựng Việt Hồng	Không có	-	-	-	Tổ chức liên quan
2.13	CTCP Xây dựng Việt Nhất	Không có	-	-	-	Tổ chức liên quan
2.14	Công ty TNHH Bảo Vệ Môi Trường Insist	Không có	-	-	-	Tổ chức liên quan
2.15	Công ty TNHH S-Chem	Không có	-	-	-	Tổ chức liên quan

FPT Securities

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán *(nếu có)*	Chức vụ tại Công ty *(nếu có)*	Số cổ phiếu sở hữu tại 22/03/2024	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại 22/03/2024	Mối quan hệ với người nội bộ
2.16	CTCP Good Solar	Không có	-	-	-	Tổ chức liên quan
2.17	Công Ty TNHH Summery	Không có	-	-	-	Tổ chức liên quan
2.18	CTCP Môi Trường Việt Nhất	Không có	-	-	-	Tổ chức liên quan
2.19	CTCP Công Nghệ N-Chem	Không có	-	-	-	Tổ chức liên quan
3	**Ông Lee, Chien-Ta**	**Không có**	**Thành viên HĐQT**	-	-	
3.1	Hsieh Ching Hua	Không có	-	-	-	Mẹ
3.2	Lin Shu Li	Không có	-	-	-	Vợ
3.3	Lee Hsin Tien	Không có	-	-	-	Con
3.4	Lee Cheng Tao	Không có	-	-	-	Con
3.5	Công ty Just Successful INC	Không có	-	800.000	10,00%	Tổ chức liên quan
3.6	Công ty TNHH Kiến Đạt	Không có	-	-	-	Tổ chức liên quan
3.7	Good Point Investment Co., Ltd	Không có	-	-	-	Tổ chức liên quan
4	**Ông Chi, Wei-Shiu**	**Không có**	**Thành viên HĐQT**	**620,000**	**7,75%**	
4.1	Li Rui An	Không có	-	-	-	Bố

FPT Securities

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán *(nếu có)*	Chức vụ tại Công ty *(nếu có)*	Số cổ phiếu sở hữu tại 22/03/2024	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại 22/03/2024	Mối quan hệ với người nội bộ
4.2	Chi Tsui Ling	Không có	-	328.200	4,10%	Mẹ
4.3	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Không có	-	50	0,000625%	Vợ
4.4	Chi Dư Tuyền	Không có	-	-	-	Con
5	**Ông Chao Leng Tso**	**Không có**	**Thành viên HĐQT**	**400.000**	**5,00%**	
5.1	Xu A Long	Không có	-	-	-	Bố
5.2	Zhao Meiyu	Không có	-	-	-	Mẹ
5.3	Chi Tsui Ling	Không có	-	328.200	4,10%	Vợ
5.4	Zhao Zhengde	Không có	-	-	-	Em
5.5	Xu Qiuyan	Không có	-	-	-	Em
6	**Bà Chi Tsui Ling**	**Không có**	**Thành viên HĐQT**	**328.200**	**4,10%**	
6.1	Xu A Long	Không có	-	-	-	Bố chồng
6.2	Zhao Meiyu	Không có	-	-	-	Mẹ chồng
6.3	Chao Leng Tso	Không có	-	400.000	5,00%	Chồng
6.4	Kỷ Minh Du	004CA06338	Thành viên HĐQT kiểm Tổng Giám đốc	3.567.190	44,59%	Em
6.5	Chi Wei Shiu	Không có	-	620.000	7,75%	Con trai
6.6	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Không có	-	50	0,000625%	Con dâu

FPT Securities

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán *(nếu có)*	Chức vụ tại Công ty *(nếu có)*	Số cổ phiếu sở hữu tại 22/03/2024	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại 22/03/2024	Mối quan hệ với người nội bộ
6.7	Tôn Nữ Bảo Vy	006C000169	Thành viên HĐQT	800.000	10,00%	Em dâu
7	**Bà Tôn Nữ Bảo Vy**	**006C000169**	**Thành viên HĐQT**	**800.000**	**10,00%**	
7.1	Tôn Thất Sơn	Không có	-	50	0,000625%	Bố
7.2	Trần Thị Mạnh Kha	Không có	-	50	0,000625%	Mẹ
7.3	Kỷ Minh Du	004CA06338	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	3.567.190	44,59%	Chồng
7.4	Tôn Nữ Thảo Nguyên	Không có	-	50	0,000625%	Em
7.5	Tôn Thất Duy Nguyên	Không có	-	50	0,000625%	Em
7.6	Tôn Nữ Bảo Uyên	Không có	-	50	0,000625%	Em
7.7	CTCP Tư vấn Việt Nhất	Không có	-	-	-	Tổ chức liên quan
7.8	CTCP Xây dựng Việt Nhất	Không có	-	-	-	Tổ chức liên quan
7.9	Công ty TNHH Bảo Vệ Môi Trường Insist	Không có	-	-	-	Tổ chức liên quan
7.10	Công ty TNHH Minh Chất	Không có	-	-	-	Tổ chức liên quan

FPT Securities

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán *(nếu có)*	Chức vụ tại Công ty *(nếu có)*	Số cổ phiếu sở hữu tại 22/03/2024	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại 22/03/2024	Mối quan hệ với người nội bộ
7.11	Công ty TNHH Việt Nhất Sài Gòn	Không có	-	-	-	Tổ chức liên quan
7.12	CTCP Công Nghệ N-Chem	Không có	-	-	-	Tổ chức liên quan
8	**Bà Hà Lệ Phương**	**Không có**	**Thành viên HĐQT**	**238.010**	**2,98%**	
8.1	Trực Phước Lan	Không có	-	-	-	Mẹ
8.2	Hà Tịnh Nhi	Không có	-	50	0,000625%	Em
8.3	Hà Trọng Cảnh	Không có	-	50	0,000625%	Em
8.4	Hà Trọng An	Không có	-	50	0,000625%	Em
8.5	Hà Trọng Thiêm	Không có	-	50	0,000625%	Em
8.6	Công ty TNHH Triệu Nhất	Không có	-	-	-	Tổ chức liên quan
8.7	CTCP Công Nghiệp Việt Nhất	Không có	-	-	-	Tổ chức liên quan
9	**Ông Nguyễn Thành Lanh**	**Không có**	**Thành viên HĐQT**	**70.190**	**0,88%**	
9.1	Lương Tiểu Bình	Không có	-	8.010	0,10%	Vợ
9.2	Nguyễn Tấn Minh	Không có	-	-	-	Con
9.3	Nguyễn Thành Lực	Không có	-	50	0,000625 %	Anh

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán *(nếu có)*	Chức vụ tại Công ty *(nếu có)*	Số cổ phiếu sở hữu tại 22/03/2024	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại 22/03/2024	Mối quan hệ với người nội bộ
9.4	Nguyễn Thành Luân	Không có	-	-	-	Anh
9.5	Nguyễn Thành Lẹ	Không có	-	-	-	Em
9.6	Nguyễn Thành Lên	Không có	-	-	-	Em
II	**Ban Tổng Giám đốc**					
1	**Ông Kỷ Minh Du** *(Như trên)*	**004CA06338**	**Tổng Giám đốc**	**3.567.190**	**44,59%**	
2	**Bà Hà Lệ Phương** *(Như trên)*	**Không có**	**Phó Tổng Giám đốc**	**238.010**	**2,98%**	
3	**Ông Chang Chia Lin**	**Không có**	**Phó Tổng Giám đốc**	-	-	
3.1	Zhang Guo Qing	Không có	-	-	-	Bố
3.2	Zhang Pan Mu Dan	Không có	-	-	-	Mẹ
3.3	Nguyễn Thị Nhã	Không có	-	-	-	Vợ
3.4	Zhang Yu Xiang	Không có	-	-	-	Con
3.5	Chang Chu Hung	Không có	-	-	-	Con
3.6	Chang Sỹ Huyền	Không có	-	-	-	Con

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán *(nếu có)*	Chức vụ tại Công ty *(nếu có)*	Số cổ phiếu sở hữu tại 22/03/2024	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại 22/03/2024	Mối quan hệ với người nội bộ
4	**Ông Zhang Jian Jun**	**Không có**	**Phó Tổng Giám đốc**	-	-	
4.1	Zhang Ji Zhong	Không có	-	-	-	Bố
4.2	Deng Yi Jiao	Không có	-	-	-	Mẹ
4.3	Deng Jin Yan	Không có	-	-	-	Vợ
4.4	Zhang Kai	Không có	-	-	-	Con
4.5	Zhang Xiang Ling	Không có	-	-	-	Con
4.6	Zhang Pu Sheng	Không có	-	-	-	Anh
4.7	Zhang Xiu Hua	Không có	-	-	-	Chị
III	**BAN KIỂM SOÁT**					
1	**Bà Lê Thị Lan Anh**	**Không có**	**Trưởng BKS**	**50**	**0,000625%**	
1.1	Lê Nhân Lập	Không có	-	-	-	Bố
1.2	Nguyễn Thị Hiền	Không có	-	-	-	Mẹ
1.3	Phạm Minh Hữu	Không có	-	-	-	Chồng
1.4	Phạm Lê Bảo Châu	Không có	-	-	-	Con
1.5	Lê Nhân Thắng	Không có	-	-	-	Anh
1.6	CTCP Công Nghiệp Việt Nhất	Không có	-	-	-	Bà Lê Thị Lan Anh là Kế toán trưởng

FPT Securities

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán *(nếu có)*	Chức vụ tại Công ty *(nếu có)*	Số cổ phiếu sở hữu tại 22/03/2024	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại 22/03/2024	Mối quan hệ với người nội bộ
2	**Bà Huỳnh Thị Phương Nam**	**Không có**	**Thành viên BKS**	**50**	**0,000625%**	
2.1	Đào Thị Hà	Không có	-	-	-	Mẹ
2.2	Đào Duy Thiện	Không có	-	50	0,000625%	Chồng
2.3	Đào Duy Lam Phương	Không có	-	-	-	Con
2.4	Đào Duy Uyên Phương	Không có	-	-	-	Con
2.5	Công ty TNHH Hóa Chất Nam Phương	Không có	-	-	-	Tổ chức liên quan
2.6	Công ty TNHH S-Chem	Không có	-	-	-	Tổ chức liên quan
2.7	CTCP Công nghệ N-Chem	Không có	-	-	-	Tổ chức liên quan
2.8	Công ty TNHH Việt Nhất Sài Gòn	Không có	-	-	-	Tổ chức liên quan
3	**Bà Nguyễn Thị Ngọc Em**	**Không có**	**Thành viên BKS**	**50**	**0,000625%**	
3.1	Nguyễn Văn Chép	Không có	-	-	-	Bố
3.2	Phạm Thị Xa	Không có	-	-	-	Mẹ
3.3	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Không có	-	-	-	Em
3.4	Nguyễn Thị Bích Vân	Không có	-	50	0,000625%	Chị

FPT Securities

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán *(nếu có)*	Chức vụ tại Công ty *(nếu có)*	Số cổ phiếu sở hữu tại 22/03/2024	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại 22/03/2024	Mối quan hệ với người nội bộ
IV	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**					
1	**Bà Lê Thị Hồng Thắm**	**004C693883.1**	**Kế toán trưởng**	**80.000**	**1,00%**	
10.1	Huỳnh Thị Anh	Không có	-	-	-	Mẹ
10.2	Nguyễn Xuân Định	Không có	-	-	-	Bố chồng
10.3	Lương Thị Toàn	Không có	-	-	-	Mẹ chồng
10.4	Nguyễn Xuân Phú	Không có	-	50	0,000625%	Chồng
10.5	Nguyễn Lê Gia Huy	Không có	-	-	-	Con
10.6	Nguyễn Lê Gia My	Không có	-	-	-	Con
10.7	Lê Thị Thúy Liên	Không có	-	50	0,000625%	Em
10.8	Lê Chí Tâm	Không có	-	50	0,000625%	Em
10.9	Lê Thị Thanh Hồng	Không có	-	50	0,000625%	Chị
10.10	Công ty TNHH Việt Nhất Hà Nội	Không có	-	-	-	Tổ chức liên quan
10.11	Công ty TNHH Hóa chất Nam Phương	Không có	-	-	-	Tổ chức liên quan
10.12	CTCP Xây dựng Việt Nhất	Không có	-	-	-	Tổ chức liên quan

Nguồn: CTCP Công Nghệ Ha Lô

FPT Securities

6. Thống kê các giao dịch giữa công ty với các bên liên quan theo quy định

Giao dịch liên quan phát sinh với các bên liên quan trong năm 2022 và năm 2023:

Bên liên quan	Giá trị giao dịch (đồng)		Mối quan hệ
	Năm 2022	Năm 2023	
CTCP Công Nghiệp Việt Nhất			Bên liên quan cùng thành viên chủ chốt
Bán hàng hóa và thành phẩm	596.386.820	43.972.000	
Mua hàng và nhận cung cấp dịch vụ	31.841.283.606	33.804.440.144	
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Minh Chất			Bên liên quan cùng thành viên chủ chốt
Bán hàng hóa và thành phẩm	730.085.600	5.328.121.000	
Công ty TNHH Việt Nhất Sài Gòn			Bên liên quan cùng thành viên chủ chốt
Bán hàng hóa và thành phẩm	296.685.000	15.000.000	
Công ty TNHH Việt Nhất Hà Nội			Bên liên quan cùng thành viên chủ chốt
Bán hàng hóa và thành phẩm	285.680.000	282.168.000	
CTCP Môi Trường Việt Nhất			Bên liên quan cùng thành viên chủ chốt
Bán hàng hóa và thành phẩm	362.694.000	580.066.000	
Chi phí lắp đặt	150.000.000	-	
Công ty TNHH Hưng Nhất			Bên liên quan cùng thành viên chủ chốt
Bán hàng hóa và thành phẩm	8.405.511.600	5.717.224.000	
Mua hàng và nhận cung cấp dịch vụ	741.365.000	33.925.000	
CTCP Tư vấn Việt Nhất			Bên liên quan cùng thành viên chủ chốt
Mua hàng và nhận cung cấp dịch vụ	35.328.000	-	

FPT Securities

Bên liên quan	Giá trị giao dịch (đồng)		Mối quan hệ
	Năm 2022	Năm 2023	
Công ty TNHH Triệu Nhất			Bên liên quan cùng thành viên chủ chốt
Bán hàng hóa và thành phẩm	8.100.000	1.728.000	
Mua hàng và nhận cung cấp dịch vụ	32.080.000	12.920.000	
Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng Đài Việt			Bên liên quan cùng thành viên chủ chốt
Bán hàng hóa và thành phẩm	33.930.000	-	
Chi phí sửa chữa	11.500.000	-	
Thanh lý tài sản	-	100.000.000	
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT	**2.771.799.537**	**2.525.772.924**	Người nội bộ
Ông Kỷ Minh Du	665.000.000	645.000.000	Tổng Giám đốc kiêm TV HĐQT
Ông Chi Wei Shiu	348.438.472	313.965.565	TV HĐQT
Ông Nguyễn Thành Lanh	694.599.231	653.867.693	TV HĐQT
Ông Chang Chia Lin	519.827.500	466.390.000	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh
Ông Zhang Jian Jun	543.934.333	446.549.667	Phó Tổng Giám đốc

Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2023 của CTCP Công Nghệ Ha Lô

Tại ngày 31/12/2022 và 31/12/2023, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

- **Phải thu khách hàng**

Bên liên quan	Nội dung	31/12/2022	31/12/2023	Mối quan hệ
CTCP Công nghiệp Việt Nhất	Bán hàng hóa, thành phẩm	15.974.630	2.391.640	Bên liên quan cùng thành viên chủ chốt

FPT Securities

Bên liên quan	Nội dung	31/12/2022	31/12/2023	Mối quan hệ
Công ty TNHH SX TM Minh Chất	Bán hàng hóa, thành phẩm	47.568.400	185.858.000	Bên liên quan cùng thành viên chủ chốt
Công ty TNHH Hưng Nhất	Bán hàng hóa, thành phẩm	897.588.130	1.260.974.680	Bên liên quan cùng thành viên chủ chốt
CTCP Môi trường Việt Nhất	Bán hàng hóa, thành phẩm	360.400.320	-	Bên liên quan cùng thành viên chủ chốt
Tổng cộng		**1.321.531.480**	**1.449.224.320**	

Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2023 của CTCP Công Nghệ Ha Lô

- **Trả trước cho người bán**

Bên liên quan	Nội dung	31/12/2022	31/12/2023	Mối quan hệ
Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng Đài Việt	Ứng trước mua hàng	1.219.680.000	1.219.680.000	Bên liên quan cùng thành viên chủ chốt
CTCP Môi trường Việt Nhất	Ứng trước mua hàng	1.524.600.000	1.524.600.000	Bên liên quan cùng thành viên chủ chốt
Tổng cộng		**2.744.280.000**	**2.744.280.000**	

Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2023 của CTCP Công Nghệ Ha Lô

- **Phải trả người bán**

Bên liên quan	Nội dung	31/12/2022	31/12/2023	Mối quan hệ
Công ty TNHH Triệu Nhất	Mua hàng hóa, dịch vụ	21.076.000	-	Bên liên quan cùng thành viên chủ chốt
Công ty TNHH Hưng Nhất	Mua hàng hóa, dịch vụ	19.083.600	9.266.400	Bên liên quan cùng thành viên chủ chốt

FPT Securities

Bên liên quan	Nội dung	31/12/2022	31/12/2023	Mối quan hệ
CTCP Công nghiệp Việt Nhất	Mua hàng hóa, dịch vụ	2.440.437.480	1.081.257.550	Bên liên quan cùng thành viên chủ chốt
Tổng cộng		**2.480.597.080**	**3.090.523.950**	

Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2023 của CTCP Công Nghệ Ha Lô

- **Người mua trả tiền trước**

Bên liên quan	Nội dung	31/12/2022	31/12/2023	Mối quan hệ
Công ty TNHH Việt Nhất Sài Gòn	Nhận tiền ứng bán hàng	-	53.500.000	Bên liên quan cùng thành viên chủ chốt
Tổng cộng		**-**	**53.500.000**	

Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2023 của CTCP Công Nghệ Ha Lô

IV. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp số 3702308640 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 16/10/2014, cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 24/04/2023
2. **Phụ lục II:** Điều lệ CTCP Công nghệ Ha Lô
3. **Phụ lục III:** Báo cáo tài chính năm 2023 được kiểm toán

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

Bình Dương, ngày 27 tháng 05 năm 2024

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HA LÔ

TỔNG GIÁM ĐỐC

KỶ MINH DU

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT – CHI NHÁNH TP.HỒ CHÍ MINH

GIÁM ĐỐC TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

ĐINH QUANG THUẦN